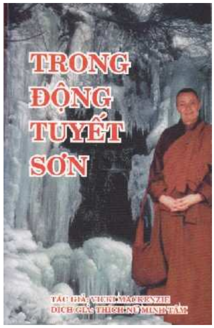
Lời giới thiệu



TRONG ĐỘNG TUYẾT SƠN
Tenzin Palmo
và Cuộc Suy Tầm Chân Lý

Dianne Perry, (sau này được biết đến qua pháp danh Tây Tạng của cô là Tenzin Palmo) là một vị ni cô người Anh đầu tiên, đã ẩn cư thiền định suốt 12 năm trong một hang động cao 12.300 bộ trên dãy Hy Mã Lạp Sơn, cách ngăn khỏi thế giới trần tục bởi những rặng núi phủ đầy tuyết trắng quanh năm.

Tenzin Palmo đã sống một mình và tu tập trong động tuyết này. Cô đã chạm trán với những thú rừng hoang dã, đã vượt qua những cơn lạnh khủng khiếp, những cái đói giết người, và những trận bão tuyết kinh hồn; cô tự trồng lấy thực phẩm và ngủ ngồi trong cái hộp gỗ rộng cỡ 3 bộ vuông (theo truyền thống Tây Tạng, các vị tu sĩ đều tọa thiền trong một cái hộp gỗ như vậy). Cô không bao giờ ngủ nằm. Mục đích của Tenzin Palmo là chứng đạo trong hình tướng một người nữ.

Sanh vào năm 1943, Tenzin Palmo lớn lên ở trung tâm khu London's East End. Cô là con gái một người bán cá. Khi còn bé, Tenzin Palmo đã thích sống lặng lẽ một mình. Cô đã tìm hiểu nghiên cứu các tôn giáo phương Đông và khát khao được giác ngộ chân lý.

Năm 20 tuổi, thể theo tiếng gọi tâm linh, Tenzin Palmo đã bỏ việc làm tại thư viện và đáp tàu đi Ấn Độ.

Năm 1964, sau ba tuần lễ diện kiến và học hỏi với một vị đạo sư, Tenzin Palmo đã trở thành vị ni cô Tây Phương đầu tiên xuất gia tại Ấn Độ. Cô sống trong một tu viện Phật Giáo Tây Tạng và cũng là người phụ nữ duy nhất trong số hàng trăm tăng sĩ. Do đó, cô đã kinh nghiệm sự đối xử cách biệt đối với hàng nữ tu. Cô đơn và đau khổ, cô đã thề nguyện sẽ chứng đạo trong hình tướng một người nữ, dù phải trải qua vô lượng số kiếp.

Với tư tưởng đó, năm 1970, cô bắt đầu cuộc sống độc cư tại một nơi tĩnh mịch vắng vẻ; và 3 năm sau, cô tìm đến một động tuyết cao chót vót trên dãy Hy Mã Lạp Sơn để ẩn cư thiền định.

Năm 1988, cô rời khỏi động Tuyết Sơn với ý định sẽ thành lập một nữ tu viện ở miền Bắc Ấn để giúp cho các phụ nữ khác đạt tới cảnh giới giác ngộ. Từ lúc bắt đầu sống đời ẩn sĩ chỉ với 80 Anh kim một năm, Tenzin Palmo đã trở thành một người nổi tiếng với những cuộc du thuyết toàn cầu; và tổ chức quyên góp xây nữ tu viện của cô càng lúc càng hoạt động sôi nổi. Tenzin Palmo đã đến với cuộc đời này, rời bỏ nó, và rồi lại trở về một lần nữa để giúp đỡ mọi người.

Tenzin Palmo đã kể lại cuộc sống ẩn cư của cô cho Vickie Mackenzie với tất cả lòng nhiệt thành cởi mở. Cô nói về những trở ngại, gian nan cô đã vượt qua, những thôi thúc thử thách mãnh liệt, và những xúc cảm tâm linh mà cô đã chứng nghiệm. Cô cũng có đủ can đảm để trung thực diễn tả những dằng co khắc khoải mâu thuẫn giữa tình yêu trai gái và tiếng gọi nội tâm đầy ân sủng.

"Trong Động Tuyết Sơn" là một kiệt tác phẩm diễn tả sự can đảm, khí phách, và trí tuệ của một vị ni cô Tây Phương đầu tiên đã đối phó và vượt qua một cách dũng mãnh những chướng ngại thiên nhiên; cũng như sinh lý và tâm lý để đạt tới cảnh giới giác ngộ giải thóat.

Qua những sự kiện và kinh nghiệm chứng đạt của cô, Tenzin Palmo đã chứng tỏ cho chúng ta thấy cô là một nữ anh hùng của thời đại chúng ta, một ngọn đuốc sáng đốt cháy hàng rào cản ngăn bước tiến của giới phụ nữ, và san bằng mọi ranh giới phân chia cách biệt giữa người và người, giữa nam và nữ từ ngàn xưa cho đến tận thế kỷ 20 này.

Vickie Mackenzie

CHƯƠNG MỘT
CUỘC GẶP GỠ

Tôi nhớ lại lần hội ngộ đầu tiên với Tenzin Palmo tại Pomaia, một thành phố nhỏ của Ý nằm giữa những ngọn đồi hùng vĩ của Tuscany khoảng một giờ đường lái xe từ Pisa.

Đó là một buổi xế trưa mùa hè và không khí ngột ngạt hơi nóng và mùi nhựa thông. — đó, chúng ta thấy những tòa lâu đài một thời nguy nga tráng lệ với những bức tường chạm trổ tinh xảo, những cửa cái có vòm cao, mái nhà kiểu tháp nhọn lấp lánh phản chiếu ánh mặt trời tháng Tám, và chỉ có tiếng côn trùng rỉ rả phá tan bầu tĩnh lặng của buổi trưa hè. Nhưng chỉ độ vài giờ nữa thôi, cuộc sống dưới phố kia sẽ náo nhiệt ồn ào vào buổi tối.

Những cửa tiệm bán thực phẩm, giầy dép, bánh ngọt, và bia rượu sẽ mở cửa đón khách; và bọn đàn ông sẽ tụm năm tụm ba tán dóc đủ mọi chuyện từ chính trị, kinh tế, đến những hoạt động của các tổ chức phe nhóm địa phương. Tuy nhiên, lần đó, nét lộng lẫy gợi cảm nồng nàn của xứ Ý, nơi mà thiên hạ đua chen nhau hưởng thụ dục lạc, đã phải nhường bước cho ánh sáng thế giới nội tâm của Tenzin Palmo.

Lần đầu tiên, tôi gặp Tenzin Palmo khi cô đang đứng dưới bóng các cây cổ thụ trong một tòa lâu đài. Đó là một phụ nữ mảnh khảnh vào độ tuổi trung niên, với làn da trắng và lưng hơi khòm. Cô mặc áo nữ tu Tây Tạng mầu đỏ xậm và tóc cạo sát đầu. Đứng vây quanh cô là một đám đông phụ nữ. Chúng ta có thể thấy đó là một buổi nói chuyện rất hào hứng, và bầu không khí rất thân mật, cởi mở. Đúng ra thì họ không được phép nói chuyện như vậy; tuy nhiên, sau cả một tháng trời tu học giáo lý và thực tập thiền định, thì buổi nói chuyện ngoại lệ đó cũng là điều tất yếu thôi.

Tôi và khoảng 50 người nữa cũng tham dự vào buổi nói chuyện đó. Những sinh hoạt hào hứng ngoại lệ như thế đã trở thành quen thuộc nhưng quan trọng đối với tôi, sau khi tôi gặp các vị Lạt Ma ở Nepal từ năm 1976 trở về trước và khám phá ra tính chất đặc biệt phong phú trong những thông điệp của các ngài. Vì thế, những buổi nói chuyện sống động như tôi đang chứng kiến đây, là một phương pháp thư giãn xả hơi sau những giờ dài ngồi kiết già thiền định hay lắng nghe các vị tu sĩ trùng tuyên lại lời dạy của Đức Phật.

Tối hôm đó, mọi người quây quần ăn uống ngoài trời. Một người đàn ông ngồi bên cạnh, thì thầm vào tai tôi, và chỉ vào Tenzin khiến tôi đặc biệt chú ý. Tenzin Palmo lúc đó đang ngồi ở bàn ăn bên kia và nói chuyện vui vẻ, hăng say với đám đông vây quanh cô.

- "Đó là Tenzin Palmo, một phụ nữ Anh Quốc đã sống 12 năm trong một hang động cao hơn 12.000 bộ trong dãy Hy Mã Lạp Sơn đó. Cô ta sống một mình ở đó và vừa mới rời khỏi động tuyết."

Bây giờ, sự chú ý của tôi đối với Tenzin Palmo không còn là một sự tò mò nữa, mà là một sự chú tâm đặc biệt.

Nhiều năm qua, tôi đã đọc, đã nghe về những nhân vật kỳ đặc - những bậc đạo sư du già ở Tây Tạng, Ấn Độ hay Trung Hoa. Những bậc đại nhân này đã lìa bỏ những tiện nghi sung mãn vật chất của đời sống con người để ẩn cư thiền định tại những núi rừng hoang vu tĩnh mịch hết năm này qua năm khác. Con đường của họ đi thật khó khăn và cô độc làm sao! Hoàn toàn cô đơn, trên người chỉ có một tấm vải thô hay một chiếc áo mỏng manh, họ dấn thân vào cuộc chiến đấu với bản thân và những cơn đói lạnh khủng khiếp ghê hồn. Thân họ chỉ còn da bọc xương, râu tóc họ mọc xồm xoàm rậm rạp đến tận lưng. Họ đối diện với thú rừng hung dữ và những tên cướp của giết người không gớm tay. Những tên cướp này không có lương tâm, không có một chút tình nhân loại. Chúng không cần biết đó chỉ là những vị đạo sĩ vô sản; khi không tìm thấy được một vật gì, chúng đánh đập dã man các vị đạo sĩ này không chút nương tay, có khi gần chết. Tuy nhiên, những khổ sở đau đớn của ngoại cảnh không

làm cho các đạo sĩ này nao núng lùi bước; cũng không thể nào so sánh với những chướng ngại nội tâm mà các đạo sĩ cần phải vượt qua để đạt tới giác ngộ giải thoát. Những lớp sóng ngầm độc hại của nội tâm như sân hận, chấp thủ, tham luyến... v.v... sẵn sàng trỗi dậy và trào dâng úp chụp lấy họ không biết lúc nào. Họ phải vượt qua tất cả - và ngay cả khi chiến thắng chúng thì các vị đạo sĩ này cũng phải dẹp tan sự phấn chấn hứng khởi đó thì mới có thể gọi là Vô Ngã được.

Cảnh giới giải thoát đó rộng rãi thênh thang, vượt qua biên giới nhị nguyên - không Ngã - không Nhân - Đó là cảnh giới thanh bình an lạc tối thượng, không có gì so sánh được. Đó là trạng thái tinh thần sung mãn cao nhứt mà con người có thể chứng được nếu muốn.

Tôi đã đọc, đã nghe; nhưng hôm nay, tại Pomaia Ý đại Lợi, tôi đã gặp, đã chứng kiến một con người thực sự chứ không phải trong huyền thoại truyền thuyết; một con người bằng xương bằng thịt đang ngồi trước mặt tôi - và hơn thế nữa, đó không phải là một đạo sĩ người Á Đông, mà là một phụ nữ Tây Phương tân tiến thời đại. Một phụ nữ Tây Phương thời đại !

Đầu óc tôi quay mòng mòng với hàng trăm câu hỏi. Cái gì đã xui khiến người phụ nữ Anh này rời bỏ được những tiện nghi văn minh vật chất để rút vào độc cư thiền định nơi núi thẳm rừng sâu như vậy? Làm sao cô có thể sống sót qua những cơn gió lộng bão tuyết kinh hồn? Cô ăn gì, tắm làm sao, ngủ thế nào, và không có cả điện thoại nữa? (đời sống người Tây Phương gắn liền với máy điện thoại; không có nó, họ cảm thấy thiếu thốn, có thể

chết đi được). Làm sao cô có thể tồn tại khi không có một chút hơi ấm của tình người, của một người bạn đồng hành qua nhiều năm như vậy? Cô đã chứng đạt được gì? Và, tò mò hơn nữa, làm sao cô có thể chịu đựng nổi sự cô đơn và im lặng tuyệt đối giữa cảnh núi tuyết lạnh lùng hoang vắng, khi chính cô xuất thân từ một hoàn cảnh tương đối tốt đẹp?

Nhưng tất cả sự tò mò nóng nảy đó của tôi đã vội nhường bước cho lòng kính trọng pha lẫn sự ngạc nhiên đối với một người phụ nữ đã can đảm kiên trì phiêu lưu đến một nơi chốn mà tôi chưa hề biết và cũng không thể tưởng tượng ra được. Sự khao khát tìm cầu chân lý của cô, hoàn toàn khác tôi, đã đẩy cô vượt qua những khóa tu tập bình thường để dấn thân vào một cuộc chiến đầy cam go và thử thách, cốt làm sao vượt qua khỏi sanh tử luân hồi.

"Nhập Thất", theo kiến thức nông cạn của tôi, là một việc làm lâu dài đòi hỏi tánh bền bỉ chịu đựng ngày này qua ngày khác; những thời khóa tu tập, tụng kinh, ngồi thiền, niệm chú, v.v... cứ lập đi lập lại dài vô tận; hay đối phó với những khủng hoảng dao động tâm lý chợt đến, chợt đi, khuấy phá nội tâm hành giả - và hành giả phải kiên trì, tin tưởng, can đảm đi đến cuối con đường mình đã chọn.

Ngày hôm sau, tôi lại gặp cô ta ở ngoài vườn, và chỉ ngồi một mình. Thấy có cơ hội, tôi tiến lại gần. Không biết cô có chịu tiếp chuyện với tôi không? Nhưng nụ cười rộng mở, nét mặt khả ái của cô, và đôi mắt xanh trong sáng đã thúc giục tôi tiến bước. Từ người cô tỏa ra một sự bình an, hoan hỷ, tự tại, và thản nhiên; nhưng tính chất nổi

bật nhất của cô là sự tinh khiết trong sáng hoàn toàn không chút vẩn đục của thân tâm.

CHƯƠNG HAI
NƠI KHÔNG THÍCH HỢP

Tenzin Palmo sinh ra tại căn nhà truyền thống lịch sử Woolmers Park ở Hertfordshire. Đúng ra đó là một thư viện nổi tiếng. Không phải vì Tenzin thuộc dòng dõi quý tộc nên cô được sanh ra ở đó; mà bởi vì đúng vào ngày sanh của cô 30 tháng 6 năm 1943, nhà độc tài Đức quốc xã Hitler Luftwaffe đã tấn công Luân Đôn trong trận Đệ Nhị Thế Chiến. Những bệnh viện đều trở thành hầm trú ẩn, cứu thương, và tạm cư.

Khi mới sanh ra, Tenzin trông rất xấu xí, không có tóc, không có lông mi, và cả móng tay nữa; nhưng người mẹ vẫn cưng yêu đứa bé gái và âu yếm đặt tên con là Diane.

Tenzin lớn lên trong cửa tiệm bán cá của gia đình số 72 đường Old Bethnal Green Road, khu London East End. Ngày nay, khu phố này không còn nữa; nhưng vào thập niên 40, khu phố này rất đông đúc, chật hẹp, và ám khói.

Tenzin kể lại:

"Từ bé, tôi đã có cảm giác rất mạnh mẽ là nơi này không thích hợp với tôi. Ngay bây giờ, tôi vẫn có các cảm giác là Anh Quốc không phải là đất sống của tôi."

Cha của Tenzin, ông George Perry, là chủ của cửa hàng bán cá. Ông là một người nhỏ con, và lớn hơn vợ ông

đến 20 tuổi; vì thế, ông rất cưng chìu vợ con. Ông hay lui tới những trường đua ngựa, nuôi chó, và các nhà hát kịch. Năm Đại Thế Chiến thứ I, ông gia nhập quân đội, và khi tàn chiến tranh, ông trở về với căn bịnh viêm phế quản nặng. Làm việc trong cửa hàng bán cá vừa ướt vừa lạnh, căn bệnh quái ác đó đã tàn phá cơ thể ông và ông đã chết lúc 57 tuổi khi Tenzin chỉ mới lên 2.

Tenzin kể lại rằng:

- "Thật đau buồn vì tôi không biết gì về cha tôi; nhưng tôi nghe nói lại rằng ông là một người rất tử tế và dễ thương. Tôi nhớ là người ta nói rằng mẹ tôi trẻ hơn cha tôi đến 20 tuổi, và bà thường đi khiêu vũ với các bạn nhảy của bà. Cha tôi luôn khuyến khích mẹ tôi vui hưởng tuổi xuân của bà. Ông thường dọn đồ ăn sẵn để dành cho bà mỗi lần bà đi chơi khuya về. Tôi biết là cha tôi rất muốn có đứa con gái vì ông đã có hai đứa con trai với người vợ trước. Nhưng đối với tôi, ông chỉ còn trong tấm ảnh mà thôi."

Khi cha của Tenzin mất, mẹ của Tenzin, bà Lee Perry, một người nội trợ, phải vất vả lắm mới nuôi nổi hai con, Tenzin và anh trai của cô, Mervyn lớn hơn cô 6 tuổi.

Mẹ của Tenzin là một phụ nữ vui tánh, lạc quan, phóng khoáng, và giúp đỡ Tenzin trong mọi hoàn cảnh suốt cả cuộc đời bà. Họ rất thương yêu và gần gũi nhau.

- "Mẹ tôi thật đáng yêu. Tôi vô cùng tôn trọng bà." Tenzin nói."Mẹ tôi đã làm việc rất vất vả và luôn luôn để ý đến ý kiến hay tư tưởng mới lạ. Bà là người có đầu óc

tân tiến, cởi mở. Khi bà gặp cha tôi, ông đã sống ly thân nhưng chưa ly dị. Mẹ tôi không cho điều đó là quan trọng và đã sống với cha tôi và có 2 con với ông. Thời bấy giờ, việc một người phụ nữ lấy một người đàn ông chưa ly dị vợ là một sự kiện khó chấp nhận. Nhưng đến khi cha tôi ly dị người vợ trước rồi, mẹ tôi cũng không công khai kết hôn với ông; vì bà thích tự do và độc lập của riêng mình."

Dù lớn lên trong một môi trường ồn ào, náo nhiệt của dân cư vùng đông Luân Đôn với bản tánh dí dỏm, khôi hài của họ; và dù ngay cả khu East End là một thị trấn đáng yêu, dễ sống, Tenzin Palmo, ngay từ hồi còn bé, đã là một cô bé thích sống yên tĩnh và đầy nội tâm. Tenzin cũng có bạn nhưng không hề dẫn bạn về nhà chơi. Cô nói: "Tôi không bao giờ quan tâm về chuyện bạn bè cả. Tôi biết có một cái gì khác mà tôi cần phải làm hơn. Tôi chỉ thích ngồi yên lặng và đọc sách. Tôi nhớ là các thầy giáo của tôi thường cho tôi mượn sách. Các bạn tôi thì không bao giờ được như vậy."

Tenzin rất chú tâm đến những gì liên quan đến phương Đông, mặc dầu lúc bấy giờ, đối với người dân Anh và gia đình Tenzin, Đông Phương là một cái gì hoàn toàn xa lạ.

- "Tôi đã bỏ nhiều thì giờ một mình ngồi vẽ các cô gái Nhật Bản duyên dáng xinh tươi trong tà áo kimono. Tôi còn nhớ từng chi tiết nhỏ nhặt tôi đã vẽ họ. Khi người Trung Hoa đầu tiên đến khu vực West End mở tiệm ăn, tôi đã năn nỉ mẹ tôi dẫn tôi đến đó để xem mặt mũi người phương Đông thế nào." Và cô nói rằng: "Nhất là đối với giới nữ tu và tông phái Thiền, tôi cảm thấy có một cái gì

hấp dẫn, lôi cuốn tôi không thể giải thích được." "Tôi rất thích các dòng tu kín. Nếp sống khổ hạnh, giản dị, những buổi cầu nguyện không dứt và lời thề dâng trọn đời cho hạnh phúc mọi người thực sự làm tôi rung động và ngưỡng mộ. Có lần một người bán hàng thực phẩm đã hỏi tôi sau cùng muốn làm gì, tôi trả lời không do dự "Làm nữ tu". Bà ta phá lên cười và nói rằng tôi sẽ đổi ý khi tôi lớn lên. Tôi nghĩ thầm "Bà lầm rồi"; nhưng lúc đó, tôi không hiểu là tôi muốn trở thành nữ tu tôn giáo nào."

Còn vài sự kiện khác thường nữa như Tenzin Palmo luôn luôn nghĩ là mình đã sanh lầm làm con gái. "Người lớn nói với tôi rằng thân thể con người sẽ thay đổi khi họ trưởng thành, và tôi rất thích thú khi suy tưởng tôi sẽ thành con trai khi tôi lớn lên"

Ngay từ tấm bé, Tenzin là một đứa trẻ yếu đuối, ốm đau luôn. Cô sanh ra đã bị dị dạng; xương sống bị vặn vẹo về phía trái và do đó, cả cơ thể lệch hẳn đi, không ngay thẳng. Năm cô độ vài tháng tuổi, cô bị viêm màng não, nằm bịnh viện chữa khỏi độ ít lâu, sau lại bị đau lại. Cứ vài tháng, cô lại vào nhà thương chữa trị; một tuần độ 3, 4 lần đi điều trị dược liệu pháp. Tenzin ốm yếu bịnh hoạn luôn đến nỗi nhà trường tài trợ cho cô bé được đi dưỡng bịnh ở một vùng ven biển để dưỡng sức.

- "Không một ai có thể tìm ra nguyên do xác đáng, nhưng cứ một năm độ 2, 3 lần, tôi lại bị những cơn sốt cao độ quật ngã và chứng bịnh đau đầu kinh khủng lại hành hạ tôi kịch liệt. Sau này, khi lớn lên, tôi tự biết đó là quả báo của những kiếp trước của tôi, bởi vì những căn

bịnh đó từ từ biến mất theo thời gian và nhất là tôi không hề bị bịnh nặng lúc tôi ở trong động tuyết." túc cho lắm; vì sau khi cha cô qua đời, mẹ cô không biết quản lý cửa hàng cá nên bị người anh họ gạt sạch tiền. Nợ nần ngập lụt đầu, mẹ Tenzin phải làm việc cật lực ngày đêm mới xoay sở nổi qua ngày và trả nợ. Mặc dù mất cha và sống thiếu thốn như vậy, anh em Tenzin vẫn vui vẻ an ổn trong tình thương của mẹ và tuổi thơ anh em họ êm đềm trôi qua. Cô học rất giỏi, nhất là về môn Anh văn, Lịch sử, và những môn trắc nghiệm tâm lý hay trí thông minh; nhưng cô kể lại rằng cô vẫn không thích thú các môn học này bởi vì cô biết chúng không ích lợi gì cho mục đích cô đã chọn.

Mẹ của Tenzin, bà Lee Perry, là một người sùng đạo và rất tin về thuyết linh hồn có thực sau khi chết.

Hàng tuần vào tối thứ tư, lúc 8 giờ, những người hàng xóm thường tụ tập tại nhà của Tenzin để cầu cơ gọi hồn.

Cô kể lại:

- "Chúng tôi thường ngồi quanh một cái bàn tròn bằng gỗ rất nặng, và người ngồi ở giữa sẽ là người cầm cơ để chuyển đạt lại những gì người chết nói. Tôi nhớ có một đêm nọ, mẹ tôi đùa nói là những người chết không có sức mạnh đâu và họ đánh cá với nhau xem ai thắng. Họ mời bà chủ tiệm tạp hóa rất nặng ký ngồi lên bàn và họ yêu cầu người chết nhấc bàn lên. Thật dễ sợ, cái bàn gỗ nặng nề và người phụ nữ mập mạp đó như được bàn tay vô hình nào đó nhấc bổng lên một cách nhẹ nhàng và từ từ di động xung quanh căn phòng."

Từ những buổi cầu cơ đó, mẹ con chúng tôi thường nói chuyện với nhau về thế giới vô hình bên kia. Có nhiều người sợ không dám nói, thậm chí không dám nghĩ đến cái "Chết"; nhưng đối với chúng tôi, "Chết" là một cái gì tự nhiên và tất yếu sẽ xảy đến cho mọi người.

CHƯƠNG BA
BUỔI BÌNH MINH

Tenzin kể:

- "Khi tôi tìm hiểu về Ấn Độ giáo, tôi nhận thấy đạo giáo này chủ trương về "Thần Ngã" (Atman) nhiều quá. Phật giáo, trái lại chủ trương "Vô Ngã". Đối với tôi, danh từ Vô Ngã đó hàm chứa một sự tự do tuyệt đối vô cùng. Cuối cùng, tôi đã tìm được cho tôi một tôn giáo, một con đường tâm linh tuyệt vời để đi theo."

Quyển sách "The Mind Unshaken" đã thay đổi đời tôi hoàn toàn. Tôi nhớ lại ba ngày sau khi đọc xong quyển sách; vừa đi đến sở làm, tôi vừa suy nghĩ "Tôi đã là Phật tử được bao lâu rồi. Ba ngày thôi sao? Không, tôi đã là Phật tử từ vô lượng kiếp rồi vậy."Một khi đã thấy con đường mình phải đi, Tenzin Palmo không bỏ lỡ cơ hội để đi đến đích. Cô nói "Khi bạn muốn làm gì, bạn phải làm ngay, đừng phí phạm thì giờ." Đó là tiêu chuẩn sống của Tenzin.

Nhưng đó không phải là chuyện dễ dàng thực hiện ở Anh quốc, nhất là vào thập niên 60. Ngày nay, Phật giáo đã lan rộng khắp năm châu; hàng trăm thiền viện mọc lên như nấm và tài liệu nhan nhãn khắp nơi; người ta tìm

hiểu Phật giáo dễ dàng - nhưng vào những năm 60, thì quả là một việc rất khó khăn.

- "Tôi luôn luôn nhớ trong lòng là Đạo Phật dạy con người phải nên diệt dục - nghĩa là diệt trừ bớt những ham muốn thô thiển, thấp hèn - vì thế, tôi đã dẹp bỏ hết quần áo và chỉ mặc một loại áo dài mầu vàng, một chiếc thắt lưng và mang vớ đen. Tôi không trang điểm, và không hẹn hò với đám thanh niên nữa. Tôi cố gắng hết sức để diệt trừ những ham muốn bình thường của một con người."

Ít lâu sau, Tenzin khám phá được một hiệp hội Phật giáo ở Eccleston Square, do ngài Chánh Án Christmas Humphreys sáng lập vào năm 1924.

Humphreys là người đầu tiên giới thiệu tư tưởng triết lý phương Đông đến người Tây Phương. Ông đã làm quen, và học hỏi với những triết gia nổi tiếng thời đại như Carl Jung, học giả thiền sư Suzuki và các hoàng thân Thái Lan; ông cũng là một trong những người ngoại quốc đầu tiên đến tham vấn Đức Đạt Lai Lạt Ma khi Ngài vừa lưu vong ra khỏi Tây Tạng. Nhưng, mặc dù Hiệp Hội Phật giáo này đã thành lập lâu năm, nó cũng vẫn chỉ là một căn nhà nhỏ với số thành viên rất hạn chế.

"Khi bước vào căn phòng chính của Hiệp Hội này, tôi rất ngạc nhiên vì không có ai mặc áo dài mầu vàng cả. Có lẽ tôi đã sai lầm khi vứt bỏ hết quần áo của tôi."

"Tôi nói chuyện với mẹ tôi và bà lặng lẽ đưa chìa khóa tủ quần áo cho tôi. Bà không vứt đi một cái nào hết. Bà

cũng chẳng hỏi tại sao, bà chỉ thản nhiên chờ đợi. Mẹ tôi rất nhạy bén và hiểu tôi rất nhiều."

— Eccleston Square, Tenzin Palmo đắm mình vào kho tàng giáo lý Nguyên Thủy Phật giáo. Tông phái này đang phát triển tại Tích Lan, Miến Điện, Thái Lan, Việt Nam, và Cam Bốt. Cô học Tứ Diệu Đế và thấu suốt được nguyên nhân đau khổ của con người và phương pháp diệt trừ đau khổ. Cô tìm hiểu Bát Chánh Đạo và Thiền học. Cô cũng tập trì niệm 6 chữ "Án Ma Ni Bát Dị Hồng", mặc dù cô chẳng hiểu thần chú ấy có ý nghĩa gì - nhưng với lòng nhiệt thành và niềm tin sắt đá, Tenzin nói là đã cảm thấy có hiệu lực kết quả khi cô luôn thầm niệm "Án Ma Ni Bát Dị Hồng."

Tuy nhiên, giáo lý Nguyên Thủy Phật giáo vẫn chưa thỏa mãn được Tenzin. Cô vẫn thấy có một cái gì thiêu thiếu như một lỗ hổng trong giáo lý Nguyên Thủy với sự tu chứng của các vị A La Hán.

"Tôi rất ngưỡng mộ sùng kính Đức Phật; những gì Ngài dạy đều hoàn toàn minh bạch và tùy duyên, căn cơ của chúng sanh. Đối với tôi, quả vị A La Hán không phải là con đường tôi muốn theo. Với trình độ hiểu biết của tôi lúc đó, tôi chỉ nhận thấy giáo lý Nguyên Thủy không thích hợp với tôi."

Vài tháng sau, tình cờ cô đọc được một quyển sách của ngài Long Thọ, vị hiền thánh và triết nhân Phật giáo nổi tiếng ở thê kỷ thứ 2. Trong sách, Ngài Long Thọ luận giải về quả vị Bồ Tát. Lý tưởng hành "Bồ Tát Đạo" cứu

giúp chúng sinh đã hấp dẫn Tenzin Palmo và cô nhận thức ngay rằng đây mới chính là con đường cô muốn đi.

Đại thừa Phật giáo và lý tưởng Bồ Tát do ngài Long Thọ khai phá và luận giải, đã phát triển nhanh chóng, thu hút nhiều tín đồ; nhất là ở Tây Tạng. Nhưng Phật giáo Tây Tạng vào những năm 60 thì hầu như không có ai biết đến và cũng khác hẳn những gì người ta biết về Phật giáo.

Những huyền thoại hay chuyện hoang đường bao phủ xứ Tây Tạng và được thêu dệt thêm lên do những tay du hành tìm cách len lỏi vào vùng "Đất Cấm" này. Những câu chuyện đầy thần bí đó càng lúc càng hấp dẫn người nghe hơn - "những vị Lạt Ma có thể bay trên hư không, tùy ý biến hóa đồ vật hay hóa thân ra đủ mọi loài, hoặc vượt qua những khoảng cách, chướng ngại một cách tự tại." Họ kể lại rằng "— Tây Tạng, người ta thờ rất nhiều vị thần; có những ngẫu tượng có nhiều tay nhiều chân, răng nanh và mắt lồi ra thật hung dữ." Tuy nhiên, theo đa số các học giả trong hội London Buddhist Society, thì Phật giáo Tây Tạng là một cái gì huyền bí và không có sự truyền thừa; khác với truyền thống chính phái Thiền và Nguyên Thủy Phật giáo. Lúc đó, không một ai nghĩ rằng Phật giáo Tây Tạng có thể phát triển mạnh được. — điểm này, Tenzin Palmo, một thành viên mới của hội, lại nghĩ khác và thiên về Phật giáo Tây Tạng nhiều hơn. Cô bắt đầu tìm hiểu kỹ thêm về Phật giáo Tây Tạng và một hôm, tình cờ cô đọc một quyển sách nói về 4 trường phái cổ của Phật giáo Tây Tạng : 1) phái Nyingmapa: thế kỷ thứ 8 trước Công Nguyên là trường phái cổ về Mật Tông bí thuật, 2) phái Sakya thế kỷ thứ 11 trước Công Nguyên là phái pha lẫn cả hai dòng mới và cổ về Mật Tông, 3)

phái Geluppa vào thế kỷ thứ 14 trước Công Nguyên là trường phái triết học, và 4) phái Kargyupa vào khoảng thế kỷ thứ 8 trước Công Nguyên là phái ẩn sĩ ở núi cao hang thẳm.

"Khi tôi đọc đến chữ "Kargyupa", hình như có một giọng nói vô hình nói với tôi rằng "Con là Kargyu". Tôi hỏi "Kargyu là gì?" "Điều đó không quan trọng" "Con chỉ biết đích thực con là Kargyupa." Tim tôi cơ hồ như ngưng đập trong giây lát. Trở thành một tín đồ Phật giáo Tây Tạng là ước muốn cuối cùng của tôi."

Theo sự chỉ dẫn của Tiếng Nói Nội Tâm vô hình, Tenzin Palmo tìm gặp một người duy nhất ở Luân Đôn mà cô biết là ông ta rất am tường về Phật giáo Tây Tạng. Ông ta đưa cho cô ta đọc một quyển sách viết về Milarepa, một vị cao tăng ẩn sĩ của Tây Tạng. Ngài là một bậc thi nhân hiền triết nổi tiếng đồng thời cũng là người sáng lập ra tông phái Kargyupa.

Milarepa là một hiện tượng phi phàm, là một biểu tượng về trí tuệ xuất chúng ở thế kỷ thứ 11.

Khi còn trẻ, Milarepa đã tu luyện tà thuật và đã giết một số người. Sau khi nhận rõ sự sai lầm của mình, Milarepa đi tìm một vị đạo sư và tỏ ý cầu đạo.

Trải qua những cuộc thử thách kịch liệt, có lần suýt mất mạng, Milarepa được Thầy thâu nhận và truyền dạy bí mật chân truyền.

CHƯƠNG BỐN
BƯỚC ĐẦU TIÊN

Tenzin không khóc khi chuyến xe lửa lăn bánh, bỏ lại sau lưng mẹ cô, quê hương cô, và cũng không biết bao giờ cô mới trở lại; còn hai người bạn gái của cô là Ruth Tarling và Christine Morris thì lệ rơi đầm đìa. Cả ba cô gái đều trực chỉ tới tu viện của bà Freda Bedi.

- "Tôi cũng không hiểu tại sao tôi không cảm thấy buồn gì khi xa gia đình, xa đất nước tôi như vậy. Tôi chỉ cảm thấy vô cùng sung sướng. Đây là giây phút tôi đã mong đợi từ bao năm qua."

Con tàu "Le Vietnam" là con tàu cũ từ thực dân Pháp. Thủy thủ đoàn gồm có người xứ Ethiopie, Việt Nam, Sudan, và Algérie. Vì là tàu cũ nên giá vé đi Ấn Độ rất rẻ. Trên tàu chẳng có quầy rượu hay hồ bơi gì cả; chỉ có một dúm hành khách mà thôi. Chuyến đi mất hai tuần, dừng lại Barcelona, Port Said Aden, và Bombay trước khi dong buồm thẳng về hướng đông.

Trên tàu, Tenzin quen với một thanh niên người Nhật. Chàng thanh niên này vừa thấy Tenzin đã choáng váng và yêu ngay người thiếu nữ duyên dáng, xinh đẹp này; và Tenzin cũng có cảm tình với anh chàng Phật tử người Á Đông này.

Một đêm đẹp trời, Tenzin đang ngồi hóng mát trên boong thì anh ta tiến đến gần và ngỏ lời cầu hôn cô.

Tenzin cười phá lên và cho anh ta đùa cợt. Nhưng không, anh ta có vẻ đứng đắn thật sự.

- "Tôi không hề nghĩ tới chuyện bất ngờ đó cả. Nhưng tôi cảm thấy hơi phân vân nghĩ ngợi. Thực ra anh ta rất đẹp trai và nồng hậu vô cùng. Các bạn tôi đều nói, nếu tôi không lấy anh ta thì có lẽ không bao giờ tôi kiếm được một người chồng tử tế đáng yêu như vậy. Tuy nhiên, tôi đã cân nhắc thật kỹ trước khi quyết định. Đức Phật đã dạy "Đời là bể khổ" - một ngày nào đó, anh ta sẽ chán tôi, và cuộc sống gia đình thực tế cũng chẳng có gì hay ho thơ mộng cả. Tôi sẽ là một ni cô - Cuộc đời xuất gia mới đúng là cuộc đời của tôi."

Tenzin ước hẹn với chàng thanh niên Nhật Bản là Tenzin sẽ ở lại Ấn một năm thử thách, và nếu cô không tu được, cô sẽ đi Nhật để gặp anh ta.

Tenzin và hai người bạn gái đến Dalhousie, Bắc Ấn vào tháng 3.

- "Khi tôi đến Dalhousie, tôi gặp cả ngàn vị tăng sĩ Tây Tạng đang ở đó; và tuyết, tuyết rơi trắng xóa phủ khắp nơi, nổi bật trong nền trời xanh lơ. Tuyệt vời quá ! Đẹp quá !

Cô kể tiếp tục :

- "Chúng tôi thấy bà Bedi đang nấu ăn trong bếp. Bedi là một phụ nữ to lớn, đẫy đà, với đôi mắt xanh to, mũi cao thẳng, và tóc đã hoa râm. Trông bà độ khoảng 50 tuổi. Trong chiếc áo cổ truyền Tây Tạng mầu đỏ xậm, bà Bedi

trông còn to lớn kinh khủng hơn; nhưng bà ấy rất cởi mở và thân thiện."

Cuộc đời bà Bedi kể ra cũng rất lý thú. Bà thuộc dòng dõi quý tộc Anh quốc; và cuộc tình giữa bà và người sinh viên gốc Ấn tại đại học Oxford (sau này là chồng bà) đã chấn động cả thành phố bà đang ở với gia đình. Bà quyết định lấy người bà yêu và chống lại thành kiến phân biệt giai cấp và chủng tộc của chế độ phong kiến Anh quốc. Bà và người chồng rời khỏi xứ Anh, nơi đã đem lại cho bà nhiều đau khổ hơn là sung sướng.

Năm 1959, khi dân Tây Tạng lưu vong theo chân Đức Đạt Lai Lạt Ma chạy trốn qua Ấn, bà Bedi xin xuất gia và được Ngài cho pháp danh là Khechock Palmo. Bà đã giúp đỡ người Tây Tạng thật nhiều và ngay cả Trungpa cũng đã theo học Anh văn cơ bản tại học viện do bà sáng lập. Tuy nhiên, bà Bedi không biết nắm lấy thời cơ; khi thị trường đất đai tại Ấn sụt giá, bà lại đi mua những thứ không cần thiết - vì thế, khi giá cả thay đổi, bà Bedi đã mất sạch tiền. Nhưng dù sao đi nữa, Bedi vẫn là người cống hiến rất nhiều cho Phật giáo Tây Tạng trong những năm đầu lưu vong tại Ấn.

Dalhousie là vùng đồi núi đẹp phủ đầy thông xanh. Hàng ngàn con khỉ đủ loại đang chen chúc nhau ở tại đó.

Khi Tenzin đến Dalhousie, cô thấy vẫn còn những ngôi nhà thờ Chính Thống giáo Anh quốc, vài trụ sở, và những căn nhà cổ kiểu Anh với trần nhà cao, hành lang rộng và vườn hoa đầy hoa hồng, hoa thược dược. Khi ta leo lên tới độ cao 7.000 bộ, Dalhousie không những cống hiến cho ta một cảm giác sảng khoái lâng lâng tuyệt đỉnh

của tâm hồn, mà còn phơi bầy trước mắt ta một phong cảnh thần tiên diễm lệ tuyệt vời của những cánh đồng xanh mướt chân trời xứ Ấn và dãy Hy Mã Lạp Sơn hoành tráng sừng sững như một vị thần linh đầy uy quyền đang dang tay che chở toàn dân Tây Tạng. Đứng trước quang cảnh hùng vĩ đó, Tenzin cảm thấy con người thật nhỏ bé, quá yếu đuối trước thiên nhiên.

Qua bà Bedi, Tenzin biết rằng Dalhousie là trạm dừng chân đầu tiên của 5.000 dân lưu vong Tây Tạng. Sau đó họ di chuyển xuống vùng Dharamsala, đi Nam Ấn và vài vùng định cư khác; nhưng năm 1963, khi dân số lưu vong Tây Tạng đã lớn rộng, các vị Lạt Ma cao cấp đã quyết định dựng tu viện như các tu viện lớn Sera và Drepung tại Tây Tạng, và họ cố gắng tái tạo và gìn giữ những di tích cổ truyền hay phong tục Tây Tạng tại xứ người.

Tenzin nhớ lại :

- "Dalhousie là nơi tu học lý tưởng, tuyệt vời. — đó, không có xe hơi và bụi bặm dơ bẩn. Không khí trong lành, mát mẻ. Sáng và chiều, mọi người đều ra đồng làm việc, các vị Lạt Ma tụng đọc kinh điển. Ai nấy đều vui vẻ tự do, ca hát sảng khoái."

Là một phụ nữ Tây Phương đầu tiên trong số rất ít người ngoại quốc đến Dalhousie, Tenzin được sự lưu ý đặc biệt của dân Tây Tạng cũng như các vị Lạt Ma.

Lần đầu tiên được gọi đến chào hỏi ngài Karmapa, vị Lạt Ma cao cấp nhất của tông phái Kargyu, Tenzin thấy run

sợ trước vẻ nghiêm khắc của Ngài. Ngài Karmapa được tôn sùng không kém Đức Đạt Lai Lạt Ma.

Ba tháng sau ngày Tenzin đến Dalhousie, cô được diện kiến Đức Đạt Lai Lạt Ma, "Phật Sống" của dân Tây Tạng. Tenzin mặc quốc phục của người nữ Tây Tạng để vào đảnh lễ Đức Đạt Lai Lạt Ma.

Vừa thấy cô, Ngài nói :

- "Ồ, trông cô giống như người ở vùng Lhasa. Thế nào, ni cô, sự tu tập của cô có tiến bộ chút nào không?"

Câu hỏi của Đức Đạt Lai Lạt Ma làm Tenzin sửng sốt.

- "Tôi không hiểu sao Ngài lại gọi tôi là "Ani-la" (ni cô) giống như cách của hai vị tu sĩ gặp nhau và chào hỏi nhau. Không lẽ Đức Đạt Lai Lạt Ma thấy được quá khứ và tương lai của tôi?"

Tenzin nhìn Đức Đạt Lai Lạt Ma và tự nhiên cô buột miệng nói :"Không, tôi không phải đến từ Lhasa. Tôi là Khampa, người xứ Kham." (Khampa là một sắc dân thuộc miền Đông Tây Tạng)

- "Cô có những kế hoạch, phương án như thế nào?" Đức Đạt Lai Lạt Ma hỏi tiếp.

- "Những chương trình dự án, dù vĩ đại đến đâu, cũng đều tan thành tro bụi. Ngài biết rõ như vậy." Tenzin bướng bỉnh trả lời. Cô biết là Đức Đạt Lai Lạt Ma chỉ hỏi đố vậy thôi. Vạn vật đều vô thường. Cô không có một

chương trình dự án gì cả; ngoài sự nỗ lực đi tìm chân lý.

Một tuần lễ sau, Tenzin gặp được người quan trọng nhất đời cô - người mà cô đã bỏ xứ sở để qua Ấn Độ tìm kiếm.

CHƯƠNG NĂM
VỊ ĐẠO SƯ

Khamtrul Rinpoche là một vị Lạt Ma hóa thân đời thứ 8. Ngài đã đến Ấn Độ sau những ngày vượt biên giới đầy gian nan khổ sở. Một đêm, Ngài đã rời bỏ tu viện của Ngài ở Kham, miền Đông Tây Tạng, cải trang thành một người lái buôn cùng một số ít đệ tử và tùy tùng, vượt biên giới Tây Tạng để trốn khỏi sự áp bức của Cộng Sản Trung Quốc.

Khampagar là một tu viện đồ sộ nguy nga như một tòa lâu đài với những bức tường mầu vàng và mái nhà dát vàng thật lấp lánh chiếu dưới ánh mặt trời xứ Tây Tạng.

Khampagar là thế giới của ngài Khamtrul Rinpoche gần suốt 30 năm. Nếu chúng ta đi ngược dòng thời gian 450 năm trước, từ năm 1548, suốt 8 đời hóa thân trước của đức Khamtrul Rinpoche, thì có thể nói, Khampagar là mái ấm, là hơi thở, là sự sống của Khamtrul Rinpoche.

Khi ngài Khamtrul Rinpoche ra đời khoảng vào năm 1930, tu viện Khampagar đã là một trung tâm Phật học sầm uất và ảnh hưởng rộng lớn trên 200 tu viện lớn nhỏ khác, đã đào tạo hàng trăm ngàn tăng sĩ, và cả một dòng truyền thừa những vị đạo sư nổi tiếng khắp Tây Tạng.

Ngoài ra Khampagar còn là trung tâm nghệ thuật nổi tiếng Tây Tạng và vũ thuật cổ truyền của các vị Lạt Ma.

Khi Cộng Sản Trung Quốc xâm chiếm Tây Tạng, họ đã phá hủy biết bao chùa chiền, tu viện, và các di tích lịch sử của xứ này cùng giam cầm tra tấn hàng ngàn vị sư và dân chúng.

Ngài Khamtrul Rinpoche bắt buộc phải rời bỏ tu viện dấu yêu và gạt nước mắt ra đi lưu vong qua Ấn Độ.
Chuyến vượt biên của Khamtrul Rinpoche và đoàn tùy tùng thật vô cùng gian nan và nguy hiểm. Họ phải vượt qua những dòng sông đóng băng hay những con thác khổng lồ sẵn sàng cuốn phăng người ta trôi về biển cả. Nghe nói lại là, Ngài Khamtrul Rinpoche phải chú nguyện thần linh cầu xin giúp đỡ và tung cát vào những ngọn sóng nước kinh khủng đó mới trấn áp nổi tốc độ của sóng. Và huyền diệu thay, không có một ai bị chết và chút đỉnh đồ đạc đem theo cũng không bị mất. Sau trận hãi hùng đó, đoàn người của Khamtrul Rinpoche còn kinh hồn bạt vía vì chạm trán phải đoàn công-voa của lính Trung Quốc đang vận tải vũ khí trên đường. Nhưng một lần nữa, như có chư thiên hộ vệ, lại không có một ai bị bắt gặp. Sau cùng và có lẽ cũng là chướng ngại gian nan nhất là vượt qua dãy Hy Mã Lạp Sơn, dãy núi cao nhất thế giới. Khamtrul Rinpoche, với niềm tin sắt đá và nghị lực kiên cường, cuối cùng đã hướng dẫn đoàn người đến được Ấn Độ an toàn.

Trong vài năm đầu, Khamtrul Rinpoche đi đi về về Dalhousie, quy tụ lại những tăng sĩ từ từ trốn khỏi Tây

Tạng và tái lập lại tu viện theo đường lối của tu viện Khampagar ở Tây Tạng.

Ngày 30 tháng 6 năm 1964, Khamtrul Rinpoche đến học viện "Young Lama" viếng thăm Freda Bedi.

Trong thời gian ở Dalhousie, Tenzin Palmo tạm làm thư ký cho trường học và nhiệm vụ của cô là kiểm soát đơn từ, thư tín các nơi gửi đến. Một lần, cô thấy có một bức thơ đề tên Khamtrul Rinpoche. Cô không biết Khamtrul Rinpoche là ai, nhưng khi cô đọc tên Khamtrul Rinpoche đến lần thứ hai, thì cô cảm thấy có một cái gì đó như là niềm tin dâng lên trong lòng cô.

Cô hỏi bà Bedi, và sau khi nghe xong câu chuyện về ngài Khamtrul, cô mong mỏi được gặp ngài:

- "Càng nghe về Lạt Ma Khamtrul, tôi càng nao nức được gặp Ngài. Tôi cảm thấy đó là một vị đạo sư mà tôi sẽ quy y và tu học theo." Khamtrul Rinpoche đến thăm học viện của bà Bedi đúng vào ngày Tenzin Palmo được 21 tuổi, ngày 30 tháng 6 năm 1964.

Khi được bà Bedi báo cho biết, Tenzin quýnh quáng chạy vội vào phòng thay áo Tây Tạng và quàng mảnh vải trắng để dâng cúng Ngài Khamtrul theo nghi thức của Tây Tạng.

Khamtrul Rinpoche ngồi trên ghế bành cao, với hai vị Lạt Ma trẻ tuổi (người ta nói hai vi Lạt Ma này là hóa thân của hai vị Bồ Tát).

Tenzin kể lại :

- "Tôi sợ quá nên không dám ngẩng đầu lên xem Khamtrul Rinpoche mập ốm, cao lùn thế nào. Tôi chỉ nhìn gấu áo và đôi giầy nâu của Ngài."

Bà Bedi giới thiệu Tenzin lên ngài Khamtrul và kể sơ về mục đích cô đến đây cốt yếu chỉ tìm một vị đạo sư để dẫn dắt cô tu học. Tự nhiên Tenzin buột miệng nói lớn: "Thưa với Ngài rằng, tôi muốn xuất gia."

- "Ồ, lẽ dĩ nhiên là được." Khamtrul Rinpoche ôn tồn trả lời.

Ngay lúc ấy, Tenzin ngước mắt nhìn lên Khamtrul Rinpoche. Ngài là một người đàn ông cao lớn với khuôn mặt tròn nhưng rắn rỏi và mái tóc búi cao trên đầu như Đức Phật. Ngài lớn hơn Tenzin độ hơn mươi tuổi. Khi nhìn thấy Khamtrul Rinpoche, Tenzin cảm thấy như gặp lại một hình bóng thân thiết đã xa cách bao nhiêu lâu nay.

Ba tuần lễ sau, Khamtrul Rinpoche chủ trì buổi lễ xuất gia của Tenzin vào ngày 24 tháng 7 năm 1964.

Tenzin gửi tấm hình cô cạo đầu, mặc áo nữ tu Tây Tạng cho bà Lee Perry, mẹ cô, và viết :"Mẹ xem con trông rất khoẻ mạnh và gọn ghẽ hay không? Con rất sung sướng được xuất gia."
- "Tôi biết mẹ tôi không muốn tôi đi tu và sống xa bà ấy; nhưng riêng tôi, tôi cảm thấy giải thoát nhẹ nhàng khi cạo sạch đầu, và mặc chiếc áo tu sĩ này."

Cô được thầy cô, Khamtrul Rinpoche, ban cho pháp danh Drubgyu Tenzin Palmo (có nghĩa là "vị nữ tu sẽ làm rạng danh giáo pháp truyền thừa"). Cô là người nữ Tây Phương thứ nhì sau Freda Bedi xuất gia theo tông phái Phật giáo Tây Tạng. Sau này, có rất nhiều phụ nữ từ các nước Âu Châu, Nam Mỹ, Úc đại Lợi, và Tân Tây Lan đã theo Tenzin Palmo xuất gia cầu đạo.

Tình thầy trò giữa Khamtrul Rinpoche và Tenzin Palmo thật sâu đậm. Cô luôn luôn được sư phụ trìu mến gọi "Tenzin, đệ tử của ta !", và cô cảm thấy được che chở bao bọc trong tình thương của Sư Phụ.

Khamtrul Rinpoche là một vị đại sư không những nổi tiếng về thần lực mà còn về tác phong đạo hạnh. Ngài luôn luôn được mọi người sùng bái kính mến; cả những người theo đạo Hồi và Ấn Độ giáo cũng rất tôn trọng kính sợ Ngài.

Tenzin Palmo đã từ giã quê hương, rời xa gia đình, và ngay cả những đam mê ước vọng của tuổi trẻ để xuất gia tìm đạo; nhưng còn một vấn đề uẩn khúc trong tâm mà cô chưa hoàn toàn dứt khoát được. Đó là vấn đề tình cảm giữa cô và người thanh niên Nhật Bản.

Không bao lâu sau ngày Tenzin xuất gia, cô nhận được thơ của John Blofeld, một văn sĩ người Anh nổi tiếng, mời cô viếng thăm gia đình ông ta ở Thái Lan. Tenzin nghĩ đó là một đề nghị hấp dẫn. Thái Lan là một quốc gia Phật giáo; hơn nữa John Blofeld và vợ ông ta rất hiếu khách, và tiện nghi nhà ông ta ở Thái Lan thì quả hết chê vào đâu được. Cô xin phép Khamtrul Rinpoche và được

Ngài cho phép đi với lời nhắn nhủ "Con nhớ trở về sớm."

Khi Tenzin Palmo đến Thái Lan thì một sự tình cờ xảy ra quá sự tưởng tượng của cô.

Tenzin gặp lại anh chàng si tình người Nhật Bản mà cô đã gặp trên chuyến tàu qua Ấn. Cô đã viết thơ nói rõ với anh ta là cô đã xuất gia và lời ước hẹn giữa họ ngày nào coi như chấm dứt - nhưng anh ta nghe các bạn cô nói lại rằng Tenzin sẽ qua Thái Lan nên anh ta tìm cách qua Thái mong Tenzin sẽ hồi tâm chuyển ý nhận lời cầu hôn của anh ta. Thực sự, Tenzin Palmo cũng do dự xiêu lòng khi thấy sự thành khẩn của anh ta. Cô mới xuất gia và Khamtrul Rinpoche chỉ mới cho cô thọ có một giới là "Cấm Sát Sanh". Người thanh niên Nhật Bản này thật có sức hấp dẫn cuốn hút, Tenzin thấy bối rối pha lẫn thích thú mê đắm mỗi lần gặp anh ta.

- "Chúng tôi trò chuyện thật tâm đầu ý hợp. Anh ta đề nghị tôi đi Hồng Kông và ở đó vài tháng chờ cho tóc mọc ra trở lại; sau đó chúng tôi sẽ làm đám cưới ở Nhật. Bố mẹ anh ta rất giàu có và tân tiến. Nếu tôi bằng lòng kết hôn với anh ta, họ sẽ xếp đặt mọi việc chu đáo và ổn thỏa.

"Tôi nhớ lại những ngày ở Dalhousie. Nếp sống ở đó thật cơ cực. Ngày đó, những tu viện Tây Tạng chưa được xây dựng hay tái lập lại. Những tăng sĩ đều sống trong những túp lều ngoài đồng trống hay núi. Họ không có cả vòi nước máy, và có chỗ thì bùn sình ngập đến đầu gối - còn nhà cửa của bố mẹ anh chàng Nhật Bản thì thật tiện

nghi và sang trọng, hết chỗ nói. Đời sống sẽ đáng yêu hạnh phúc biết chừng nào bên cạnh người yêu và vật chất sung mãn !"

Tenzin bị dằng co mâu thuẫn giữa lý trí và con tim. Tiếng gọi tâm linh trong cô vẫn có một mãnh lực khiến cô không thể nào quay lưng để chạy theo tình yêu được. Cô lo sợ, đau khổ, dằn vặt; và một đêm, trong nước mắt nghẹn ngào, cô chắp tay cầu cứu Sư Phụ hãy giúp cô sáng suốt chọn đúng cho mình một hướng đi nhất định. Kỳ diệu thay, ngài Khamtrul Rinpoche đã nghe được tiếng kêu cầu cứu của đệ tử mình.

Tenzin thấy như có một luồng ánh sáng mầu vàng soi sáng toàn thân và giọng nói của Khamtrul Rinpoche, Sư Phụ cô, rõ ràng bên tai :"Hãy trở về Ấn Độ lập tức !"

- "Tôi vô cùng sung sướng. Tôi đã được che chở, đã được cứu độ. Tôi chắc chắn sẽ dứt khoát được sự sa lầy vào vòng luân hồi đau khổ."

Sáng mai, Tenzin mua vé về Ấn Độ lập tức, và từ đó cô không bao giờ gặp lại người thanh niên Nhật Bản đó nữa.

CHƯƠNG SÁU
CÔ ĐƠN và ĐAU KHỔ

Sự can đảm và lòng trung thực thiết tha cầu đạo của Tenzin đã giúp cô vượt qua biển tình để tiếp tục hoàn thành tâm nguyện của mình. Nhưng bây giờ mới chính là giai đoạn thử thách cay đắng nhất của Tenzin khi cô bắt

đầu thực tập đời sống xuất gia tại các thiền viện Tây Tạng. Nên nhớ, Tenzin là người nữ duy nhất trong số hàng trăm tăng sĩ tại thiền viện của ngài Khamtrul Rinpoche.

Nếu người ta nói Kim Tự Tháp chỉ có ở Ai Cập, thì sự khắc nghiệt phân biệt nam nữ phải nói là ở Tu viện Tây Tạng. Mặc dù Tenzin là đệ tử của Lạt Ma Khamtrul, nhưng Ngài không thể phá lệ để ưu đãi cô.

Trong mắt của các tăng sĩ ở tu viện, Tenzin là một phụ nữ, hơn nữa, lại là một phụ nữ Tây Phương với mắt xanh tóc nâu và ngôn ngữ khác biệt. Vai trò người phụ nữ Á Đông thật yếu kém và phụ thuộc - trong tự viện, người nữ tu sĩ còn bị đối xử khác biệt hơn nữa. Trong lúc các tăng sĩ được học giáo lý, thực tập thiền định hay học hỏi các môn pháp thuật, vũ thuật; thì Tenzin chỉ loanh quanh lẩn quẩn bên ngoài nhìn vào. Các tăng sĩ có vẻ tử tế, nhưng luôn luôn họ cách xa Tenzin vì họ đã được giáo huấn rằng người nữ là đầu mối của sa đọa và cạm bẫy

"Tôi thật cô đơn và lạc lõng ngay giữa chốn đông người. Cái cảm giác yêu thương mọi người nhưng không được phép tới gần là một cảm giác đau đớn trong lòng nhất.

"Bạn sống giữa loài người nhưng bạn không thuộc về một ai cả, không thuộc về một cái gì cả. Bạn cũng là con người như họ nhưng họ tạo cho bạn có cảm giác bạn là một loài chúng sinh nào khác họ hoàn toàn. Cô đơn và cô đơn kinh khủng. Người duy nhất tới gần tôi là Sư Phụ tôi, Khamtrul Rinpoche. Nhưng Ngài rất bận việc, và thỉnh thoảng mới tới thăm hỏi tôi. Hằng đêm, tôi khóc thầm vì cô đơn và lạc lõng."

Tenzin bị sống cách biệt với mọi người. Cô không thuộc về Tăng đoàn mà cũng chẳng phải là cư sĩ. Cô thuê một căn phòng nhỏ xíu chỉ kê đủ một cái giường và một cái bàn. Cô tắm ở cái vòi nước lạnh và đại tiểu tiện trong một cái thùng gỗ. Cô tự nấu ăn lấy và sắp xếp mọi thứ, không được ai chỉ bảo. Ban ngày, cô tới văn phòng của Khamtrul Rinpoche phụ Ngài về giấy tờ sổ sách; ban đêm cô rúc về căn phòng trống lạnh của cô.

-"Sau này, có người hỏi tôi là có cô đơn khi ở trong động tuyết không? Tôi trả lời là không bao giờ. Nhưng chính thời gian ở tu viện mới đúng là chuỗi ngày sầu khổ và cô đơn nhất của tôi."

Nhưng, khôi hài thay, chính sự cô đơn, đau khổ, lạc lõng trong tu viện đó của Tenzin Palmo lại giúp cho cô nhìn rõ được nội tâm mình một cách sâu sắc hơn.

Cô giải thích :

- "Một ngày kia, tôi ngồi thiền quán chiếu tự tâm mình và tư duy về những thao thức, khắc khoải, mâu thuẫn, cũng như những ham muốn của bản ngã con người tôi. Tôi đã nhìn rõ được sợi giây ràng buộc bấu víu của khát ái đang trói ghì lại tôi. Tôi nhìn thật rõ, thật thẩm thấu; và từ giây phút đó, tôi đã khám phá được nguyên nhân của Khát Ái và Đau Khổ."

Tenzin Palmo đã học được bài học "Ly Dục" và "Xả Ngã" (rời bỏ sự bám víu dục lạc, danh lợi và xả được cái "Ta"). Đó là nền tảng của giáo lý Phật giáo; là thềm thang bước lên quả vị giải thoát hoàn toàn. Làm sao con người có thể có lòng từ bi đối với mọi loài chúng sanh

khi chính tâm họ còn quan niệm, phân chia về "bạn hay thù, quen hay lạ." Xả bỏ được dục lạc hay bản ngã không phải là điều dễ làm; con người luôn khát khao, bám víu, đòi hỏi, và thỏa mãn cho bằng được những dục vọng vật chất hay xác thịt, và họ không bao giờ bằng lòng với hiện tại. Họ cảm thấy xa lạ với quan niệm bình đẳng giữa người và người, giữa người và vật, hay giữa nam và nữ.

Tenzin Palmo nhận xét khá khôi hài rằng người ta thường hỏi cô là làm sao dứt trừ được sân hận; nhưng không ai hỏi cô là làm sao dứt trừ được ham muốn?

Hoàn cảnh sống của Tenzin Palmo tại Dalhousie càng ngày càng tệ hơn. Trong tất cả sự bạc đãi phân biệt mà Tenzin phải chịu đựng thì sự việc "không được phép học giáo lý và các nghi lễ" khiến Tenzin đau khổ nhứt. Lý do duy nhất chỉ vì Tenzin là "phái nữ". Họ cho rằng "phụ nữ không đủ trình độ và tiêu chuẩn để học Phật pháp và các nghi lễ trang trọng." Khi chư tăng hành lễ trong chánh điện, Tenzin chỉ ngồi ở ngoài nhìn vào và không được phép tham dự. Khi cô tỏ ý muốn học kinh điển và các nghi thức, cô bị từ chối một cách phũ phàng và quyết liệt. Cô chỉ được Choegyal Rinpoche, đệ tử thân tín nhất của Khamtrul Rinpoche, kể cho cô nghe những mẫu truyện Phật giáo đơn giản, không chứa đựng giáo lý cao siêu gì. Đó là đặc ân mà họ nghĩ một phụ nữ, nhất là phụ nữ Tây Phương, nên bắt đầu học hỏi.

Nỗi chán chường buồn tủi trong Tenzin càng ngày càng lớn dần ra. Cô nói :"Tôi cảm thấy mình như là một kẻ thừa thãi trong hội chúng. Nếu tôi là đàn ông, thì chắc chắn sự việc sẽ khác hẳn ngay. Tôi sẽ có thể học hỏi và

gia nhập Tăng đoàn. Thực sự, đây là thế giới trị vì của đàn ông. Họ là những người có quyền hành nhất trong tay. Tôi như lọt vào một thế giới lạ lùng, không có chỗ đứng của mình. Các vị tăng sĩ rất hòa nhã tử tế với tôi - nhưng tôi biết trong tâm họ, người phụ nữ chỉ là một vật thừa, không giá trị; và họ cảm thấy sự có mặt của một phụ nữ trong Tăng đoàn như là một sự thách thức đố kỵ !"

Tenzin Palmo đã chạm phải bức tường ngăn cách rắn chắc nhất. Đã bao thế kỷ trôi qua, trong khi các tăng sĩ được học cao, hiểu rộng, và được sự ủng hộ tôn trọng của tín đồ; thì người nữ tu Tây Tạng không được đọc hay viết, không được tìm hiểu học hỏi giáo lý. Họ ở trong những tu viện nhỏ bé, nghèo nàn, đơn sơ, và tụng kinh làm lễ cho một số ít các cộng đồng địa phương hay tệ hơn nữa, là phục vụ hầu hạ cơm nước cho các Tăng sĩ. Đó là lý do vì sao không có những vị Lạt Ma nữ, không có những vị nữ đạo sư, giảng sư. Không có địa vị, cấp bực hay học thức, giới nữ tu Tây Tạng chẳng có một thế đứng hiện hữu trong xã hội, trong Tăng đoàn.

Không riêng gì ở Tây Tạng mà giới nữ tu ở Thái Lan hay ở các nước Á Đông khác cũng không tốt đẹp gì hơn. — Thái Lan, vị trí các nữ tu sĩ rất thấp kém - thậm chí họ không được quyền chạm tay đến các chiếu trải tọa cụ của các vị Tăng. (Các ni cô nào lỡ có bộ ngực quá khổ thì phải bó cho thật sát, thật chặt, để không một ai để ý đến bộ phận nữ của mình).

Căn nguyên của vấn đề "trọng Tăng khinh Ni" này bắt nguồn từ thời Đức Phật còn tại thế (hay còn trước đó

nữa); khi người nữ không có được một quyền lợi hay vị thế nào trong gia đình và ngoài xã hội.

Trong một môi trường xã hội quá phân biệt về giới tính và giai cấp như vậy, ngay chính Đức Phật cũng đã từ chối không muốn cho người nữ gia nhập vào Tăng đoàn, bởi vì, có thể Đức Phật nghĩ rằng "đời sống một du tăng rày đây, mai đó không thích hợp và nguy hiểm đối với phái nữ"; và còn nhiều chướng ngại nữa như : thân nữ có nhiều nghiệp chướng không thể đắc đạo được, hay thành Ma Vương cũng không xong. Ngay như ngài Xá Lợi Phất, đại đệ tử của Phật, khi nghe Long Nữ 8 tuổi đắc quả vị giải thoát, đã thốt lên rằng :"Chuyện đó khó tin, quả thực khó tin, vì thân nữ nhiều nghiệp chướng, không thể thành Phật được !" (Kinh Pháp Hoa, phẩm Đề Bà Đạt Đa thứ 12).

CHƯƠNG BẢY
LAHOUL

Đường về Bảo Sở (Phật tánh, Chơn Như) thật khó khăn, nhiều thử thách. Nó đòi hỏi người hành giả phải có sự quyết tâm và can đảm để đương đầu với mọi gian nan nguy hiểm.

Con đường dẫn về Lahoul cũng vậy; thật cheo leo hiểm nghèo và gập ghềnh khó đi. Dãy Hy Mã Lạp Sơn hoang vu cách biệt hẳn thế giới loài người bởi hàng rào dày đặc tuyết và đá. Suốt cả 8 tháng trời trong năm, rặng Trường Sơn này luôn luôn bị tuyết đá bao phủ. Nhìn đâu đâu cũng thấy một mầu trắng xóa đến rợn người.

Thời gian mùa hè ở Hy Mã Lạp Sơn rất ngắn. Hơn nữa, con đường dẫn tới vùng đất bí mật này lại còn được bảo vệ bởi đường đèo rùng rợn Rhotang Pass. Vì thế, ở độ cao 3.978 mét, vùng đất này đã được mệnh danh là "Cánh Đồng Xác Chết". Hình như đường lên Lahoul đã được các thần linh xếp đặt thật hiểm trở khó khăn để thử thách tâm người cầu đạo.

Ngày đó, người ta chưa khai quang con đường và rất ít, rất ít người biết đến Lahoul : không có xe và chẳng có một phương tiện gì để leo lên tới Lahoul ngoài đi bộ; chứ không phải như ngày nay, du khách đã biết nhiều đến Tây Tạng và Lahoul cũng đã trở thanh một địa điểm du lịch hấp dẫn. Vì vậy, Tenzin phải tính toán thật kỹ nếu cô muốn leo lên Lahoul.

Cô bắt đầu khởi hành trước bình minh. Cô phải làm sao vượt qua đèo Rhotang Pass trước buổi trưa, bởi vì độ nửa ngày thì những cơn cuồng phong sẽ bất thần bốc lên dữ dội thổi tung tuyết và đá khiến người ta mất phương hướng và bị lạc đường. Bị lạc đường ở đèo Rhotang Pass thì chỉ có nước giáp mặt Tử Thần mà thôi ! Do đó, các cơ quan hữu trách bắt buộc Tenzin phải viết đơn cam kết chịu hoàn toàn trách nhiệm về an ninh bản thân trước khi cô khởi hành. Tenzin rất vui vẻ làm theo ý họ.

Tenzin cắm cúi leo, leo mãi; bỏ lại sau lưng những cánh đồng xanh bát ngát, những vườn hoa hồng, hoa cúc tươi thắm, và khói bếp nồng ấm tỏa ra từ những căn nhà vang rộn tiếng cười trẻ thơ. Cô trực chỉ đèo Rhotang Pass, leo vượt qua rặng cây dày đặc; đất dưới chân càng lúc càng gồ ghề, lồi lõm, khó đi; chung quanh vắng ngắt không

có một bóng người qua lại. Thỉnh thoảng, đó đây, Tenzin chỉ thấy thấp thoáng một vài con trâu "yak", vài chú ngựa hoang, và một con kên kên khổng lồ đậu trên mỏm đá. — độ cao này, những dốc núi phủ đầy tuyết trông thật hung hãn, gớm ghiếc như một tử thù sẵn sàng xô ngã bất cứ kẻ nào xâm phạm đến nó. Gió hú lên từng cơn, đem theo cơn lạnh giết người; dù thời tiết đang ở vào đỉnh cao mùa hè, gió vẫn lồng lộng buốt giá. Đường đi trơn trợt vì có chỗ tuyết tan chảy dọc theo sườn núi; có chỗ thì đóng băng cứng ngắc. Tenzin vẫn cắm cúi leo từng bước một, từng bước một. Cuối cùng cô đã leo tới đỉnh núi; và như để trọng thưởng sự kiên nhẫn và can đảm của cô, một quang cảnh hùng vĩ tráng lệ trãi dài ra trước mắt Tenzin.

- "Thật tuyệt vời. Trước mắt tôi là một vùng đất bằng phẳng rộng độ khoảng một dặm, bao bọc chung quanh là những ngọn núi tuyết trắng xóa nổi bật trên nền trời xanh thẳm. Thiên nhiên thật quá ưu đãi con người. Cảnh trời cao núi biếc làm tâm hồn người ta thanh tịnh, lâng lâng một niềm thoát tục.

"Tôi gặp một vị Lạt Ma trên đỉnh núi. Vị ấy đeo một cái trống cơm nhỏ và một khúc xương người.Vị Lạt Ma cho tôi biết khúc xương ấy là biểu tượng để quán tưởng về cái chết của vị ấy. Chúng tôi trèo qua rặng đèo và để người trượt xuống theo sườn núi qua phía bên kia."

Khi Tenzin chạm tới chân núi thì cô lại như lọt vào một thế giới khác.

- "— đây giống như ở Shangri-la. Từ văn hóa tập tục Ấn Độ, tôi bước vào thế giới văn hóa phong tục người

Tây Tạng. Những mái nhà ở đây thì bằng phẳng; rải rác dọc theo các sườn núi là những tu viện Phật giáo, những bánh xe cầu nguyện, và những bảo tháp.

Người Tây Tạng ở vùng Lahoul này sống lam lũ hơn, nhưng họ có vẻ rắn chắc và thoải mái hơn các cư dân vùng khác vì họ sống gần với đất trời, rừng núi, cỏ cây. Người Tây Tạng hao hao giống như người Trung Hoa, nhưng đôi gò má họ cao hơn, và đôi mắt thuôn đẹp như trái hạnh đào."

Từ nhiều thế kỷ trước, khi đạo quân Hồi giáo tràn sang xâm chiếm Tây Tạng và Ấn, và tàn phá hủy diệt hàng ngàn ngôi chùa, tự viện, người dân Tây Tạng đã phải bồng bế nhau chạy đến vùng Lahoul này để lánh nạn; Phật giáo cũng đã theo gót chân người Tây Tạng đến mảnh đất hoang vu xa xôi hẻo lánh này và bắt đầu nẩy mầm mọc rễ tại đây do sự nỗ lực tinh cần của các vị đạo sư sau này sống ẩn dật tại các hang động trong núi tuyết. Năm tháng trôi qua, người ta thêu dệt nhiều huyền thoại về các vị Lạt Ma ẩn sĩ đó và quyền năng của họ; vì thế, quang cảnh ở Lahoul cũng bao phủ một màu huyễn hoặc.

Năm 1970, khi Tenzin đến Lahoul, thì dân chúng ở Lahoul vẫn còn kém, chưa hiểu biết gì nhiều về thế giới bên ngoài. Đời sống họ mộc mạc giản dị, ngày ngày ra đồng trồng khoai trồng lúa, hay chăn nuôi súc vật. Nếp sống đơn thuần đó ảnh hưởng đến tính tình bản chất con người nên người dân Tây Tạng rất hiền hòa chất phác và niềm tin Phật giáo của họ rất thuần khiết dung dị. Những sáng kiến phát minh khoa học kỹ thuật của thế kỷ 20 này

như điện lực, máy truyền hình, truyền thanh, xe hơi, v.v... chưa xâm nhập vào Lahoul, cũng như những bộ mặt da trắng của người Tây Phương vẫn còn xa lạ với dân Tây Tạng vùng đất Lahoul này.

Sự có mặt của Tenzin Palmo, với chiếc áo nữ tu Tây Tạng mầu đỏ xậm, đã làm cho dân Lahoul xôn xao và hiếu kỳ. Người đàn bà đó là ai vậy? Làm sao mà một phụ nữ Tây Phương lại dám bỏ hết vật chất để đi tu vậy? Có phải cô ta tu thiệt không đó, hay là gián điệp gì đây? Cô ta muốn gì ở người Tây Tạng chúng ta? v.v.. và v.v... Nhưng Tenzin đã chinh phục được cảm tình của dân Lahoul và đè bẹp được làn sóng dư luận xầm xì nghi kỵ đó bằng chính sự nhiệt tâm, cởi mở, và chân thành của cô. Cô được họ đặt cho tên gọi là "Saab Chomo" (Ni cô Tây Phương), và sau này khi Tenzin ẩn cư trong động tuyết, thì họ đã kính trọng cô như một vị Thánh.

Lúc đó, Tenzin muốn tới Tayul Gompa, có nghĩa là "vùng đất chọn". Đó là một tòa nhà cổ nguy nga độ 300 năm, tọa lạc giữa rừng cây cách thủ đô Keylong độ vài dặm. — đó, có một thư viện lý tưởng, những bộ sưu tập tranh lụa tôn giáo và một bức tượng rất lớn của ngài Padmasambhava, vị Thánh Đạo Sư đầu tiên truyền bá đạo Phật từ Ấn vào Tây Tạng. Người dân Tây Tạng tôn sùng ngài như là một vị Phật.

Bây giờ Tenzin đã có thể sống yên ổn thoải mái ở Lahoul rồi. Mấy năm qua, cô trôi dạt từ phòng thuê này đến nhà trọ khác; giờ đây cô đã có một căn nhà nhỏ xây bằng đá và bùn cho riêng cô đằng sau ngôi chùa, nơi mà các vị tăng sĩ hay các ni cô thường ở riêng biệt.

Tenzin sống vui vẻ, thân mật, hòa đồng với tất cả mọi người. Ai ai cũng quý mến cô cả. Tenzin thân nhất với Tshering Dorje, người mà cô thường thân mật gọi là "Anh trai người Lahoul của tôi".

CHƯƠNG TÁM
ĐỘNG TUYẾT SƠN

Tenzin Palmo và nhóm bạn đồng hành bắt đầu trèo lên ngọn núi sau tu viện Tayul Gompa, hướng tới hang động trong dãy Tuyết Sơn.

Họ bám vào đá, rướn người leo lên từng bước, từng bước một; họ leo cao, cao mãi, bỏ lại sau lưng thế giới loài người. Họ kiên trì cẩn thận leo lên cao, cao hơn nữa. Hơi thở họ đã khó nhọc, nặng nề; buồng phổi họ như bị sức ép không khí trên độ cao hơn 1000 bộ này ở rặng núi tuyết nén chặt lại muốn vỡ tung. Cuộc leo núi này thực sự không phải trò đùa hay một trò chơi mạo hiểm. Những người bị yếu tim hay người có máu xây xẩm không thể lên tới độ cao này được. Đường dốc núi thật cheo leo, nguy hiểm đến rợn người. Các tảng đá lớn nhỏ chất chồng lên nhau, có hòn thì sần sùi lởm chởm, có hòn thì sắc bén cứa đứt cả tay, có hòn thì chênh vênh nhô tận ra ngoài, chỉ cần sơ ý một chút hay sẩy nhẹ chân cũng đủ toi mạng.

Tuy nhiên, không dễ bị khuất phục, đoàn người Tenzin Palmo vẫn bám chặt leo lên từng bước. Sau hai giờ leo núi vất vả, họ bất thần nhìn thấy động núi.

Hang động này nằm tọt trong hốc núi, và như là có bàn

tay "ngụy trang" khéo đến nỗi họ suýt không nhận ra được. Động tuyết này không giống như các vòm cửa hang động trong các cuốn phim tưởng tượng của Hollywood. Nó cũng không có lỗ sâu đen ngòm, bụi bặm, dơ dáy như các hang động của các người thời cổ đại. Động tuyết này chỉ là một vách đá nhô ra lơ lửng trên sườn núi, và 3 phía đều toang hoác. Trần động thấp chủm nên người ta không thể nào đứng thẳng người lên được nếu chui vào bên trong. Mái động là một vách đá lởm chởm nhô ra ngoài, lưng động nghiêng nghiêng cheo leo theo sườn núi, và bên ngoài dưới gờ vách đá là một dốc nhọn hình chữ V chạy dài xuống thung lũng Lahouli. Suy cho cùng, đây là một nơi trú ẩn mong manh, không kiên cố và có thể dễ bị sụp bất ngờ. Nó chỉ là một lỗ hổng nhỏ tụt vào trong hốc núi, rộng độ 10 bộ bề ngang và 6 bộ chiều sâu; trông nó giống như một cái tủ áo vậy. Có thể nói, động tuyết này như một cái lò giam cô đơn.

Tenzin Palmo đứng sát mép vực và quan sát quang cảnh chung quanh. Cảnh trí thật thanh tịnh, hùng vĩ, và cô liêu. Trước mặt cô, theo hình vòng cung 180 độ là dãy Hy Mã Lạp Sơn phủ tuyết trắng xóa, bao la đến nỗi Tenzin có cảm tưởng như mặt chạm mặt với núi vậy. Nhìn đâu cũng thấy núi và núi, tuyết và tuyết. Bây giờ là mùa hè nên chỉ có đỉnh núi phủ tuyết; nhưng vào 8 tháng mùa đông thì tuyết đổ xuống dầy đặc tạo thành một bức thành trì trắng toát khổng lồ nổi bật trên nền trời xanh lơ, không gợn một chút mây. Ánh sáng mặt trời chiếu xuống núi trong suốt như pha lê, chan hòa trên mọi vật khiến cảnh sắc thêm lung linh tươi đẹp. Không khí thì dễ chịu, trong lành. Sự yên tĩnh ở đây thật sâu lắng. Người ta chỉ

nghe tiếng róc rách nhè nhẹ của dòng sông Bhaga ở dưới thung lũng, tiếng gió rì rào, và lâu lâu vài cánh chim vỗ bay phá tan bầu tĩnh mịch chốn núi đồi. Bên tay phải của Tenzin là một cánh rừng nhỏ có thể cung cấp nhiên liệu. Bên trái của cô, độ một phần tư dặm là một con suối nhỏ chảy ngang qua các khe đá giúp cho cô có được nước uống thiên nhiên trong mát, sạch sẽ; và đằng sau cô là một ngọn núi cao nhọn như tháp canh bảo vệ cho cô.

Với tất cả cảnh trí thiên nhiên tuyệt vời chung quanh, và sự tuyệt đối yên tĩnh cô đơn, động tuyết sơn này sẽ tạo cho Tenzin một cảm giác thanh bình êm ả vô cùng lý tưởng, và những ngọn núi hùng vĩ hoành tráng của dãy Hy Mã Lạp Sơn, như một bà mẹ hiền, dang rộng đôi tay che chở bảo vệ Tenzin.

Cô đang đứng ở độ cao 13,000 bộ trên mực nước biển - một độ cao chóng mặt rợn người. Tung độ này thấp hơn đỉnh núi Mount Whiney và Mont Blanc không bao nhiêu. Nếu so sánh động tuyết này với ngọn núi cao nhất nước Anh Ben Nevis cao 4,402 bộ, thì Ben Nevis thấp lè tè như chú bé con và anh chàng khổng lồ. — đây, cheo leo một mình như cánh chim đại bàng cô đơn trên đầu vũ trụ, Tenzin sẽ nhập thất yên ổn không bị quấy rầy phiền nhiễu bởi tiếng động trần gian. Cô sẽ được tận hưởng sự yên tĩnh tuyệt đối mà cô cần có. Sự yên tĩnh của ngoại cảnh quan trọng và cũng rất cần thiết cho sự tu tập của vị hành giả trong công cuộc khám phá tâm linh. Trong cảnh giới hoàn toàn yên lặng, tiếng nói Tuyệt Đối Vô Cùng sẽ được tiếp nhận một cách trọn vẹn.

Ngoài ra, còn có một vài sự trùng hợp ngẫu nhiên thật lý

thú. Trên đỉnh núi đối diện hang động Tuyết Sơn là một phiến đá đen thật ngộ nghĩnh mà dân địa phương đặt tên là "Tượng Nữ Thần Keylong". Dù ngay giữa mùa đông, phiến đá này cũng không bao giờ bị phủ tuyết cả. Hình tượng nó đó đen sì nổi bật trên nền tuyết trắng của đỉnh núi. Càng nhìn gần, người ta càng thấy rõ hình thù đặc trưng của phiến đá đen đó. Rõ ràng đó là hình dáng của một phụ nữ bồng con sát vào ngực và tay kia của nàng đang cho chim ăn. Theo mắt người phương Tây, hình tượng đó rất giống tượng Mẹ Madoona đang bồng con, và người dân Lahoul thì tin tưởng đó là Đức Quán Thế Âm Bồ Tát.

Cách phiến đá đen đó xa xa, lại có một bức tượng đá mầu vàng và xanh nhạt của một nữ thần khác. Vài thế kỷ trước, hình như người ta cũng đã thấy một bức tượng đá giống như vậy ở thung lũng bên kia đồi, nên dân Lahoul càng truyền miệng kháo nhau rằng "Tượng Nữ Thần" đã di chuyển từ bên này đồi lên đỉnh núi tuyết", và dọc xuống sườn núi, không cách xa động tuyết bao nhiêu là một lỗ hổng lớn tụt hẳn vào trong vách núi. Có người nói lại rằng "xưa kia, đó là nơi cư ngụ của nữ thần Phật giáo Tây Tạng Palden Lhamo. Vị Nữ Thần này bảo vệ toàn dân Tây Tạng. Ngài cỡi trên lưng một con la (loại thú giống như lừa). Vài năm sau, khi Tenzin lên động tuyết cư trú, chính mắt cô nhìn thấy những dấu chân la ấn lõm trên tuyết chung quanh lỗ hổng này. Lạ lùng nhất là cô không tài nào tìm thấy một dấu chân nào khác dẫn lên lối này.

Tất cả những gì Tenzin đang nhìn trước mắt đây thật viên mãn hoàn hảo. Cô nghĩ rằng: "— động Tuyết Sơn, cô có

thể dành hết thì giờ và năng lực cho sự tham thiền nhập định thật miên mật; để từ đó, cô có thể vén bức màn bí mật của thế giới tâm linh - đó là một thế giới đầy kỳ hoa dị thảo; một thế giới bao la, vô cùng vô tận, mà mọi người tu đều muốn khám phá; một thế giới không có sự "bắt đầu" (vô thỉ) cũng không có sự "kết thúc" (vô chung). Thật đúng như câu:

"Càn khôn tận thị mao đầu thượng
Nhật nguyệt bao hàm giới tử trung."

tạm dịch:

"Vũ trụ nằm trên đầu lông xíu
Thế giới lọt trong hạt cải mòng."

Tenzin quá hài lòng và quyết định sẽ cư trú tại hang động này; nhưng các vị đồng tu phạm hạnh khác lại thấy bức rức, áy náy cho cô.

- "Cái động này cao quá ! Không ai có thể để một phụ nữ sống một mình ở đây như vậy. Cô sẽ chết cóng ở độ cao này !"

- "Ồ, quý vị không biết chứ, hang động luôn luôn ấm áp hơn nhà. Các hang động như điều hòa được thời tiết. Khi tôi ở Tayul, tôi đã rét cóng trong căn nhà vào mùa đông; nhưng ở động này thì ấm áp vô cùng."

- "Nhưng mà vẫn còn nhiều thứ bất tiện và nguy hiểm. Cô ở đây thì cứ như con vịt già bị trói chờ bọn cướp đến bẻ cổ và cướp sạch."

CHƯƠNG CHÍN
ĐỐI DIỆN TỬ THẦN

Cuộc sống của Tenzin tại hang động Tuyết Sơn không quá thơ mộng và lý tưởng như cô đã kể cho chúng ta nghe, mà những bịnh tật, thiên tai, đói khát đã thay phiên nhau tấn công cô một cách khắc nghiệt vô cùng. Tenzin đã đối phó chịu đựng những hiểm nghèo tật bịnh đó chỉ một mình và một mình lẻ loi; không có bác sĩ, không có bạn bè, không có thân nhân, không có điện thọai hay cũng chẳng có một cơ sở y tế cứu giúp nào.

- "Khi bạn nhập thất, bạn phải phát nguyện sẽ ở trong thất bao lâu và bạn phải giữ đúng lời nguyện đó. Ngay cả khi bạn mắc phải bịnh nan y, bạn cũng không được ra khỏi thất - Nếu chết, bạn chết trong thất."

Ngạn ngữ Tây Tạng có câu "Nếu phải bịnh, thì bạn đã bịnh - Nếu phải chết, thì bạn phải chết." Vậy thì bạn đừng thắc mắc gì cả, chỉ an nhiên chờ đợi mọi sự việc đến."

Thật lạ lùng, Tenzin không hề bị bịnh nặng kinh khủng như ngày cô còn bé; tuy nhiên cô vẫn thường đau ốm luôn. Trong động, cô thường bị sốt rét hay đau nhức mình mẩy thấu xương. Có lần, cô khám phá thấy có một cục bướu nhỏ dưới cánh tay, nhưng cô phớt lờ đi, không quan tâm tới; và khi cô hết hạn nhập thất ở động Tuyết Sơn, cô chợt nhớ tới cục bướu đó và rờ cánh tay thì nó đã biến đi tự lúc nào không hay nữa.

- "Trong thời gian tôi nhập thất, có lần tôi bị bịnh đau

mắt; vì không có thuốc mắt tôi đã sưng húp lên thật to và đau đớn đến nỗi tôi không thể nháy mắt được. Tôi cũng không chịu được ánh sáng chói vào mắt nên tôi sống trong bóng tối hoàn toàn. Tôi không thể nhóm bếp được vì hơi nóng và ánh sáng chói vào mắt khiến tôi đau đớn kinh khủng, vì thế tôi nhịn ăn luôn.

- "Tôi không thể làm gì cả. Tôi cũng không tập trung ngồi thiền được vì mắt tôi cứ sụp xuống, không dở lên được. Cuối cùng tôi chỉ ngồi yên, chờ đợi, và quán sát từng cơn đau hoành hành cơ thể tôi. Tôi chỉ ngồi yên, dù muốn nằm xuống một chút cũng không được, vì hễ nằm xuống là mắt tôi nhức buốt kinh khủng, đau nhói lên tận màng óc. Do đó, tôi chỉ ngồi yên chịu đựng. Càng quan sát cơn đau, tôi lại càng thấy kỳ diệu. Từng cơn đau trỗi dậy như từng nốt nhạc của cung đàn, nhịp trống của một bản nhạc tấu. Giai điệu âm tiết khác nhau của bản nhạc "Khổ Đau" chập chùng nhảy múa trong mắt tôi.

"Khi tôi bắt đầu tính nhẩm lại thời gian cơn đau mắt nầy thì nó đã hành hạ tôi đúng 49 ngày. Thật thú vị vì 49 ngày là giai đoạn của trung ấm thân (Bardo) - giai đoạn tiếp nối giữa Cái Chết và Sự Tái Sanh của một kiếp chúng sinh - Cơn đau mắt của tôi cũng giống giống như vậy."

"Qua sự quán chiếu tư duy, tôi cảm nhận được một điều là sự đau đớn có mặt trong chúng ta, hành hạ chúng ta, bởi vì chúng ta khăng khăng chống trả lại nó."

"Sự phản ứng đó tạo thành một luồng đối kháng mãnh

liệt công kích toàn bộ con người và đưa đến khổ đau phiền não triền miên.

"Điều quan trọng là chúng ta nên tập làm bạn với khổ đau, sánh vai với nó, dạo chơi với nó, nhẫn nhục uyển chuyển theo nó. Lúc đó, sự dày vò và đau đớn của bịnh tật sẽ thuyên giảm, bớt công kích chúng ta. Làm sao chúng ta có thể day tay, mắm miệng đánh trả lại "bịnh tật" (một sự cố đương nhiên phải xảy đến cho một kiếp chúng sinh?). Vì thế, tốt hơn hết là chúng ta nằm dài trườn mình ra như loài rắn, uyển chuyển bò nhịp nhàng theo nghiệp quả và tìm cách chuyển hóa nghiệp lực theo chiều hướng tốt đẹp nhất mà chúng ta có thể làm được."

Tenzin cũng đã suýt bị chết đói trong động. Có một lần Tenzin nhập thất hoàn toàn trong động và chỉ nhờ vào Tshering Dorje cung cấp thực phẩm lên động cho cô; nhưng Tshering Dorje đã quên hay vì lý do nào đó, không mang thực phẩm lên cho Tenzin được. Cô đợi và đợi mãi, thức ăn dự trữ trong động cạn dần, cạn dần. Cô đã nhịn đói và duy trì sự sống qua tư duy thiền định. Đến khi Tshering Dorje mang thực phẩm lên, Tenzin sắp tàn hơi kiệt sức vì thời gian nhịn ăn quá lâu. Tuy nhiên, cô cũng không hỏi vì sao Tshering Dorje chậm trễ giúp cô; cô nghĩ là ông ta có những lý do cá nhân của ông.

Một thảm kịch gây ấn tượng mạnh nhất xảy ra cho Tenzin khi cô ở trong động khiến cô nhớ mãi không quên. Đó là vào tháng 3 năm 1979 khi Tenzin đang tọa thiền như thường lệ trong hộp gỗ. Bỗng đâu bên ngoài, một trận bão tuyết dữ dội nổi lên, và kéo dài suốt 7 ngày 7 đêm. Âm thanh của gió lốc và bão tuyết xoáy rít trong

không trung như tiếng gầm thét của loài mãnh thú khi tử chiến. Tenzin đã quen với những cơn lốc tuyết, nhưng thực sự trận bão tuyết này vô cùng kinh khủng và dữ dội. Tuyết đổ xuống như thác, chất chồng lên cao, cao mãi, cao qua khỏi cửa cái, qua khỏi cửa sổ căn động và phủ lấp luôn. Tenzin chợt rùng mình hãi sợ.

"Cô đang bị CHÔN SỐNG DƯỚI TUYẾT".

Cảm giác kinh hoàng đó vẫn còn đậm nét trong ký ức cô khi cô kể lại.

- "Thình lình tất cả bị đắm chìm trong tối đen và lạnh giá. Tôi không thể nhóm lò được vì ống thông hơi đã bị tuyết dập nát trên vòm động. Không có cách gì để nấu ăn hay sưởi ấm gì cả. Tôi cũng không dám thắp đèn cầy vì sợ thiếu dưỡng khí. Khi tôi nhìn ra phía cửa sổ, tôi chẳng thấy gì ngoài một tấm màn trắng toát đến rùng rợn của tuyết. Khi tôi cố gắng đẩy cửa cái ra thì một mầu tối đen như mực phủ kín tất cả.

"Không hy vọng gì được cứu hay có một lỗ thủng thông hơi để tôi thở được một chút, trong hang động lạnh giá tối om như cái huyệt này, tôi biết là tôi đang đối diện với cái chết đang từ từ nuốt lấy tôi.

"Tôi nhớ lời dạy của Đức Phật "Cái chết chắc chắn sẽ đến với chúng ta, nhưng thời gian đợi chờ cái Chết mới vô tận."

"Tôi đã quán tưởng về đề mục Cái Chết từ lâu, tôi quán tưởng khi xác thân tứ đại này tan rã đi trong lòng đất hay

thiêu rụi đi trong hỏa lò; tôi sẽ không còn gì sót lại trên cõi đời này, ngay cả cái tên gọi "Tenzin" rồi cũng quên lãng đi; những người thân, bè bạn bỏ lại sau lưng.

"Đến từ HƯ KHÔNG và trở về HƯ KHÔNG", nhưng đó chỉ là quán tưởng; còn lúc đó thực sự tôi chạm mặt với Tử Thần đang từ từ tiến tới.

"Là một hành giả tu tập Mật tông, tôi biết đó là giai đoạn quan trọng nhất trong quá trình tu tập của một hành giả.

Qua những tầng lớp tư duy về diễn tiến của quá trình Cái Chết, nếu tôi đầy đủ công phu, tôi sẽ chứng đạt được cảnh giới tối thượng, vượt qua sống chết. Do đó, đối với một đạo sư, cái chết không có gì đáng sợ cả mà chính nó là một cơ hội hiếm có, một cơ hội bằng vàng để giúp họ giải thoát.

"Tôi không lo sợ. Tôi có nhiều thời gian để suy tư về Cái Chết đang thực sự giáp mặt tôi. Tôi nghĩ "Nếu tôi chết, tôi sẽ chết". Từ bé, tôi đã nhận thức được thân xác tứ đại này của con người thật tạm bợ, vô thường rồi, và con người cứ tái sanh đi, tái sanh lại bao nhiêu kiếp trong vòng tròn Luân Hồi vô tận.

"Tôi đã có trong tay "Những Viên Thuốc Cứu Độ Giải Thoát" sẵn sàng khi nào và nếu cái chết xảy đến cho tôi. (Những viên thuốc Giải Thoát này là đặc chế của ngành Y Dược Tây Tạng. Được bào chế bằng nhiều nguyên liệu đặc biệt, cỏ thuốc, đất thiêng và những bộ phận của các hài cốt, những viên thuốc này càng được tăng thêm hiệu lực và nhiệm mầu do sự nguyện cầu nhiều tháng của các

tăng sĩ và huyền lực của các mạn đà la. Khi cái chết xảy ra cho một người nào, với sự trợ giúp của các viên thần dược này, người sắp chết sẽ dễ dàng chuyển hóa dòng ý thức đến cảnh giới an lạc cao hơn).

"Tôi hồi tưởng lại quá khứ và suy nghĩ xem tôi đã làm những gì, tốt hay xấu. Tôi nghĩ là tôi vô cùng may mắn. Tôi đã gặp nhiều vị Lạt Ma và đã tiếp nhận nhiều đặc ân giáo dưỡng. Thật vô cùng hạnh phúc được xuất gia thành ni cô !"

"Tôi rất ngưỡng mộ và tin tưởng Sư Phụ tôi, ngài Khamtrul Rinpoche. Tôi luôn luôn cầu nguyện sẽ được ngài lo cho phần trung ấm thân (Bardo) và kiếp sau của tôi. Tôi biết chắc chắn Ngài là nơi nương tựa duy nhất của tôi."

Tenzin cũng quán chiếu về thế giới Tịnh Độ, nơi Đức Phật Di Đà là tọa chủ. Cô nói: "Nếu chúng sanh nào vãng sanh được về thế giới Cực Lạc của Đức Phật Di Đà thì sẽ được vô lượng lợi lạc, vì đó là cảnh giới An Lạc Tối Thượng của Niết Bàn."

"Mặc dù vậy, chúng sanh cũng không nên chấp trước về bất cứ một cảnh giới nào, vì còn chấp trước là còn tham cầu, còn tham cầu là còn rơi rớt vào vòng sanh tử luân hồi vô tận. Các vị Lạt Ma cao cấp đã vãng sanh về thế giới Cực Lạc đó, nhưng các ngài lại phát nguyện trở về thế giới Sa Bà này để cứu độ chúng sanh. Hơn nữa, cũng rất cần thiết là chúng ta nên phát nguyện trở về thế giới này và ngụp lặn trong khổ đau để thấu hiểu nỗi khổ của chúng sinh, bởi vì chỉ khi nào chúng ta hiểu được thì

chúng ta mới thương; và khi tình thương phát khởi thì chúng ta sẽ dễ dàng xả bỏ được Ngã Chấp và Tham Ái được. Chư Phật, và chư Bồ Tát đã hóa hiện thân khắp nơi, ngay cả địa ngục để cứu chúng sinh thoát khỏi khổ đau. Đó chính là đại nguyện của chư Phật và Bồ Tát vậy."

CHƯƠNG MƯỜI
CÁC VỊ ĐẠO SƯ DU GIÀ

Quang cảnh bên ngoài động Tuyết Sơn thì vô cùng tráng lệ và hùng vĩ, nhưng còn thế giới nội tâm của Tenzin thì ra sao? Cô đã chứng nghiệm được gì trong quãng thời gian dài 12 năm sống ẩn cư trong động núi? Cuộc hành trình đi về nội tâm của cô thế nào, có kết quả gì không? Cô đã thấy những gì xuyên qua quá trình thiền định công phu? Cô có được thấm nhuần ân sủng hay cô có nghe thấy những tiếng gọi thiêng liêng không? Cô có kinh nghiệm được những đợt sóng chuyển hóa tâm thức không?

Những gì chúng ta thắc mắc cũng là ưu tư khắc khoải của Tenzin khiến cô đã phát đại hùng tâm ẩn cư đơn độc trên động núi cách xa loài người hơn 12,000 bộ cao.

Theo huyền thoại của các thiền sư ẩn sĩ, đó cũng là một nan đề, một công án cần phải giải đáp. Tít tận trên hang động giá băng hoang sơ, vị Đại hiền giả đạo sư du già Milarepa, người sáng lập ra tông phái ẩn sĩ Karmapa, sau nhiều năm khổ hạnh, đã chứng đạt tới một cảnh giới huy hoàng kỳ lạ. Những bức vách và nền căn động nơi Milarepa ở đều chảy tan ra nước bởi những dấu ấn tay

chân của ngài và chỗ ngồi tham thiền của ngài thì lõm sâu vào trong đá. Trong thời gian Milarepa tham thiền nhập định, các vị nữ thần đã xuất hiện và cung cấp thức ăn cho Milarepa đỡ đói. Nhưng dù thân hình của Milarepa chỉ còn xương bọc da và đã đổi màu biến thành xanh rêu vì Ngài chỉ ăn có một loại lá cây ban (cây dại mọc trên núi), Milarepa vẫn an nhiên tham thiền nhập định, không hề biến động vì ngoại cảnh. Trong khi thiền quán, Milarepa có thể tùy ý biến hóa ra bất cứ hình dạng nào, hay phiêu du tự tại trong vũ trụ càn khôn không hề bị trở ngại. Khi ngài xả thiền, thì có khi Milarepa đã dùng khinh công để vượt qua những dãy núi đồi đám dân làng đang cày bừa ở các thung lũng phía dưới chân núi.

Liệu cô gái Tenzin Palmo, con người bán cá ở Bethnal Green, có chứng đạt được như Milarepa không?

Không một ai biết chắc chắn được Tenzin Palmo đã chứng nghiệm được gì trong những năm tháng dài ẩn cư cô tịch, nhẫn nhục chịu đựng giá rét, đói khát, và bóng tối hoang vu. Tenzin đã thấm nhuần tư tưởng thanh cao của các vị Togdens, những vị đạo sư du già; họ không bao giờ bộc lộ hay khoe khoang thành tích chứng quả của họ.

Xả bỏ được Ngã Chấp và Kiêu Mạn chính là một trong nhiều đức tính của các vị đạo sư chân chính, phạm hạnh. Hơn nữa, mật hạnh của một vị tu sĩ cũng không cho phép Tenzin bộc lộ ra sở tu sở đắc của mình. Ngay chính Đức Phật, Ngài cũng đã từ chối không thi triển phép lạ thần thông khi một đạo sĩ khác thách thức Ngài. Ngài nói:

"Chỉ có giáo hóa chúng sanh thoát khỏi tham dục, si mê, ngã chấp, và chứng đạt được trí tuệ giải thoát. Chỉ có giáo hóa chúng sanh mới có khả năng giúp chúng sanh vượt qua khỏi biển khổ tiến lên bờ giác ngộ. Ngoài ra, những phép thuật hay thần thông, nếu sử dụng không đúng chánh pháp, sẽ gây tác hại cho chính người sử dụng và người khác."

- "Thẳng thắn mà nói, tôi không thích đề cập đến vấn đề này. Có nhiều người thích mọi người biết đến mình, có người lại không quan tâm đến những vặt vãnh đó. Cá nhân tôi, tôi nhận thấy đó là chuyện riêng của tôi. Tôi không cần phải phô trương hay khoe khoang với mọi người là tôi tu thế nào, chứng đắc làm sao."

Khi cô bị cật vấn quá mức, Tenzin chỉ tiết lộ đại khái:

- "Lẽ dĩ nhiên, khi bạn nhập thất lâu dài, theo quá trình đúng đắn tu tập, bạn sẽ gặt hái được hiệu quả tốt đẹp, rất to lớn. Bạn sẽ cảm nhận được những phút giây cơ thể bạn trở thành khinh an như bay bổng hay cảm giác thể xác này đang hòa tan trong chân không vũ trụ. Bạn sẽ vô cùng minh mẫn, nhạy bén, và tỉnh giác."

"Điểm tối yếu quan trọng của sự tu tập không phải để nắm bắt những ảo giác khinh an đó, mà chính là phải chứng đạt được giác ngộ. Giác ngộ chân lý không phải là một hiện tượng mơ hồ, siêu hình, mà rất đơn giản, đó là "Chúng ta phải nhìn sự vật y như chúng đang là" (như thị), không qua một bức màn nào. Sự vật như thế nào, chúng ta nhìn như thế ấy."

"Sự chứng đạt không phải là một quan niệm cũng không phải là một sản phẩm tư duy hay tình cảm.

"Sự chứng đạt có thể nói như là ánh sáng trong suốt từ trung tâm của một lăng kính, chứ không phải là những mầu sắc cầu vồng chung quanh nó."

"Trạng thái an lạc hạnh phúc cũng có nhiều tầng lớp khác nhau. "An Lạc" rất quan trọng cho sự nhập thất lâu dài - như là xăng dầu cần cho máy xe vậy - Thiếu sự an lạc, bạn không thể nào nhập thất lâu dài được. Từ niệm hỷ lạc trong tâm đó, bạn có thể sống cô độc và yên tĩnh suốt năm này qua năm khác, không hề cảm thấy thiếu thốn, bức rức, sợ hãi hay cô đơn buồn chán. Vì thế, Đức Phật đã khẳng định "An Lạc chính là yếu tố quan trọng nhất đưa đến Hạnh Phúc, Giác Ngộ, Giải Thoát." Nhưng chúng ta cũng không nên nhầm lẫn An Lạc và Khoái Lạc của vật dục thị hiếu thấp hèn và bám chặt lấy sự khoái lạc đó. Đối với những kẻ mê đắm vật chất thú vui thế gian thì họ cho là tiền bạc, vật chất, và ngay cả khoái cảm nhục dục là hạnh phúc tối thượng của đời họ; họ bám víu và khao khát được có trong tay những thứ vật dục đó; nhưng họ có biết đâu rằng chính những vật dục khoái lạc đó là cạm bẫy, là trở ngại cho một cuộc sống thực sự an ổn, nhẹ nhàng.

CHƯƠNG MƯỜI MỘT
CON ĐƯỜNG CỦA NGƯỜI PHỤ NỮ

Mọi người đã đánh giá sai về Tenzin Palmo. Người phụ nữ mảnh khảnh, mắt xanh này của phố thị Bethnal Green, Anh Quốc, không dễ gì chịu thua hay bị các trở

ngại khuất phục, làm nản chí. Cô đã sống sót trong động tuyết qua những trận thử lửa kinh hồn, và hiên ngang an nhiên tiếp tục con đường đạt tới Chân Lý Tối Thượng của cô qua hình tướng một người nữ. Cô vẫn kiên gan quyết tâm thực hiện lời thệ nguyện của mình "Thành Phật trong hình tướng một người nữ". Trái tim cô thật sắt đá, nghị lực cô thật phi thường, ý chí cô thật bền vững, nhưng dù sao đi nữa, Tenzin cũng cần nương tựa vào hay noi theo gương các bậc nữ đạo sư còn sinh tiền để khuyến khích ủng hộ nhau khi cần thiết trên bước đường tu tập. Tenzin chỉ có một mình, không thầy, không bạn. Ngay cả một ý nghĩ hay lời nói hướng dẫn của các nữ đạo sư cũng không có, để cho Tenzin có thể mường tượng được trí tuệ xuất chúng của người nữ khi chứng đắc ra sao? Thực sự, cô chẳng biết gì về các nữ đạo sư đương thời.

Qua kinh sách Phật giáo Tây Tạng, Tenzin chỉ biết các vị nữ Bồ Tát như nữ thần Tara với nụ cười từ bi, trong dáng ngồi co một chân trên tòa sen, sẵn sàng ứng hiện cứu giúp chúng sinh. Tenzin đã cầu nguyện trì tụng danh hiệu Tara rất nhiều lần để chúc phúc lại cho dân làng Lahoul khi cô đi khất thực xung quanh làng. Người Phật tử Tây Tạng rất sùng bái Bồ Tát Tara. Khi gặp phải những sự cố bất an, lo sợ, hay đau khổ, họ luôn luôn cầu nguyện Tara đến giúp đỡ cứu thoát cho họ, vị nữ thần Tara nghe tiếng chúng sanh kêu khổ và đến cứu giúp tức thì. Ngài là biểu tượng của Từ Bi và Hùng lực. Được biết nữ thần Tara được hóa sanh từ những giọt nước mắt xót thương chúng sanh của Đức Phật Chenrezig. Đức Phật đã thấy các nỗi khổ triền miên của chúng sanh và muốn giúp chúng sanh thoát khỏi khổ đau bằng cách cho nữ thần

Tara hóa thân ra giúp đỡ. Cũng được biết là nữ thần Tara đã phát nguyện sẽ chứng đắc quả vị Phật trong hình tướng một người nữ.

Người dân Tây Tạng còn thờ phượng nữ thần đầy quyền năng Vajrayogini với toàn thân bao bọc trong vòng tròn ánh sáng lửa rực đỏ. Với bản tánh độc đoán, hăng say, mạnh mẽ, linh hoạt, Vajrayogini là biểu tượng một người nữ độc quyền cai trị lãnh thổ riêng của nàng. Trong số các nữ thần Mật Tông, Vajrayogini tự mình ngài lo liệu mọi việc và cầm quyền cai trị, không cần người chồng hay phụ tá giúp đỡ. Hơn thế nữa, Vajrayogini còn mang người tình bí mật của nàng đi theo khắp nơi như là một dụng cụ lủng lẳng trên vai, và sẵn sàng dùng phép biến hóa vật đó thành người đàn ông để tùy nghi sử dụng trong mọi trường hợp cần thiết.

Tín đồ Phật giáo Tây Tạng còn tôn thờ sùng bái Đức Bồ Tát Quán Thế Âm với lòng bi mẫn nghe tiếng kêu khổ liền hiện thân ra cứu giúp; họ cũng thờ Bát Nhã Ba La Mật Đa, Mẹ của chư Phật, ngồi oai vệ lẫm liệt trên ngai vàng hoa sen, rực sáng hào quang trí tuệ và bi mẫn.

Các nữ Bồ Tát này mãi mãi là biểu tượng tôn thờ sùng bái và kính ngưỡng của toàn dân Tây Tạng khi hạnh phúc cũng như khi hoạn nạn quyền biến.

Nhưng, thực tế hơn, lịch sử Phật giáo Tây Tạng đã chứng minh về những thành quả chứng đạt của một số ít phụ nữ đã sống tại vùng núi tuyết này và đã can đảm kiêu hùng vượt qua hàng rào trở ngại bước tiến giới nữ của chế độ phong kiến phân biệt của xã hội Tây Tạng ngày xưa, để

từ đó tên tuổi họ đã đi vào huyền thoại lịch sử như mặt trời rực sáng không bao giờ tắt.

Các phụ nữ này rất kiên cường bất khuất. Có thể nói, họ là biểu tượng nữ anh hùng cho mọi thời đại. Sống trong một chế độ xã hội bất công, phong kiến, nặng đầu óc phân biệt nam nữ, họ đã trí dũng chiến đấu phản kháng lại những tập tục lề thói cũ rích đã đè nặng lên vai, lên cổ người phụ nữ như cái gông, cái ách, cái cùm xiềng xích phụ nữ vào xó bếp đời đời. Họ đã nhóm bùng lên bó đuốc "Cách Mạng Nữ Giới" và trí tuệ hơn nữa, họ đã xả thân tu tập không ngừng nghỉ để chứng đạt Giải Thoát Trí Tuệ. Những hành động phi thường đó đã trở thành truyền thuyết dân gian, và đứng vững như thành đồng của sự Kiên Trì, Bất Khuất, Niềm Tin, và Quy Ngưỡng.

Người nổi tiếng nhất trong số ít các phụ nữ tiên phong đó là Yeshe Tsogyel, còn được biết đến qua danh hiệu "Vũ Công trên không gian". Sanh ra năm 757 sau Công Nguyên trong một gia đình quý tộc, Yeshe Tsogyel từ thuở bé đã cho thấy nàng có những tín hiệu trí tuệ thiêng liêng khác thường. Nàng cũng đã tuyên bố sẽ thành Phật trong một đời hiện tại mà thôi. Với tư tưởng đó, nàng đã từ chối mọi lời cầu hôn để đi đúng con đường mình đã chọn. Sau nhiều thăng trầm thử thách, nàng tình cờ gặp được vị cứu tinh của đời nàng, Ngài Padma Sambhava, người đầu tiên đã mang và truyền bá Phật giáo từ Ấn Độ vào lãnh thổ Tây Tạng, và cũng đã trở thành biểu tượng "Phật Sống" đối với toàn dân tín đồ Phật giáo Tây Tạng.

Padma Sambhava không những chỉ là vị cố vấn, vị thầy hướng dẫn tâm linh mà đối với Yeshe Tsogyel, Ngài còn

là người yêu tối thượng tâm linh bí mật của riêng nàng. Yeshe Tsogyel đã yêu say đắm Padma Sambhava, đồng thời cũng kính trọng tôn sùng Ngài. Tình yêu của nàng đã thể hiện qua ẩn dụ sau:

"Với lòng trong sáng và kính ngưỡng, tôi, Yeshe Tsogyel, đã kết một tấm mạn đà la huyền bí để dâng lên đạo sư Padma Sambhava của tôi. Nụ cười rạng rỡ và từ bi của Ngài chiếu sáng như hào quang ngũ sắc khiến các ánh sáng khác mờ nhạt đi và hòa tan vào hào quang đó, chan hòa trên toàn thân Ngài, kết thành một tòa sen hồng đỡ bước chân Ngài trong điệu nhạc từ ái muôn đời của vũ trụ."

Nhưng, dù yêu say đắm Padma Sambhava, Yeshe Tsgyel vẫn không quên mục đích tu tập của mình và đã khẩn cầu Padma Sambhava hãy dạy cho nàng Lý Nhân Quả để làm pháp môn thiền quán. Yeshe đã đi vào tận rừng sâu núi thẳm, chịu đựng gian khổ, đói rét, dãi dầu với nắng táp mưa sa. Nàng đã ăn tất cả những gì có thể ăn được ở núi rừng đến nỗi sau đó, nàng đã tập "ăn không khí" và gầy ốm đến nỗi xương trán lồi hẳn ra ngoài - nhưng Yeshe vẫn kiên gan chịu đựng. Cuối cùng, sự quyết tâm kiên trì đó của nàng đã được tưởng thưởng xứng đáng với sự chứng đạt giải thoát.

Chính những lời nói của Yeshe đã được chép lại bởi người viết hồi ký tiểu sử của nàng, Taksham Nuden Dorje, và sau đó được Keith Dowman dịch ra trong quyển "Vũ Công trên không gian" (Sky Dancer) của ông ta để diễn tả trạng thái sung mãn tuyệt đỉnh khi chứng đắc của Yeshe Tsogyel do công phu khổ hạnh tinh cần tu

tập: "Tôi đã biến hóa tan hòa vào khối tinh thể của vũ trụ để thấm nhuần đặc tính linh huyền của Chân Không Diệu Hữu, và tôi đã đạt được khả năng tuyệt đối để ứng xử mọi diệu dụng của chư Phật."

Yeshe Tsogyel đã hóa hiện khắp nơi để cứu giúp che chở dân Tây Tạng với lòng từ bi, trí tuệ, và quyền năng vô biên của nàng. Nàng có thể đi xuyên qua những vật rắn chắc như tường vách, núi đồi, cỡi lên ánh sáng của mặt trời, hay bay lơ lửng trên không trung. Có lần, nàng đã cứu sống trở lại con trai của một thương gia người Nepal bằng cách chỉ ngón tay trỏ ngay tim người chết cho đến khi trái tim hắn đập trở lại và máu bắt đầu lưu thông trong cơ thể. Nhưng, lần thi thố pháp thuật trước phái Bon, (một giáo phái cổ Tây Tạng rất giỏi về pháp thuật) Yeshe đã đánh bại hoàn toàn các pháp sư của giáo phái này và thu phục nhân tâm hoàn toàn. Trong tư thế ngồi kiết già trên hoa sen bay lơ lửng trên không trung, Yeshe đã biến hóa lửa phun ra từ mười đầu ngón tay, bao phủ toàn vùng trong khối lửa đỏ rực và lại biến lửa thành thành những sợi mềm như bơ vẽ lên trời hàng vạn hình ảnh khác nhau. Sau cùng, nàng phóng những tia sấm sét dữ dội vào đám tà sư phù thủy của phái Bon khiến chúng kinh hồn bạt vía. Dân chúng và cả đám tà đạo đó đã bị thâu phục, cải hóa hoàn toàn. Họ tin rằng chỉ một người nữ đắc đạo như Yeshe Tsogyel mà còn giỏi như vậy, huống chi là Đức Phật thì còn xuất chúng đến đâu nữa.

CHƯƠNG MƯỜI HAI
XUẤT ĐỘNG

Đúng lý ra Tenzin Palmo ẩn cư trong động còn lâu dài hơn nữa, nhưng một sự cố nhỏ xảy ra khiến cô phải rời khỏi động thất ngoài ý muốn và thời hạn.

Một ngày mùa hè năm 1988, Tenzin Palmo rất ngạc nhiên sửng sốt vì sự xuất hiện của cảnh sát.

Chẳng thèm để ý đến hàng rào bên ngoài động, hay tấm biển "Xin đừng quấy phá sự yên tĩnh", tên cảnh sát này ồn ào đập cửa ầm ầm bắt Tenzin ra mở. Hắn hạch hỏi tại sao Tenzin đã quá thời hạn nhập cảnh mà cứ ở lì tại đây? Hắn ra lệnh đến ngày mai Tenzin không đến trình diện tại sở cảnh sát, Tenzin sẽ bị câu lưu điều tra.

Đó là tiếng nói con người đầu tiên, gương mặt người đầu tiên Tenzin gặp và nghe thấy trong 3 năm qua - nhưng gặp mặt và nghe lại giọng nói loài người trong một tình cảnh vô duyên, khiếm nhã, và thô lỗ làm sao ! Tuy vậy, Tenzin vẫn ôn hòa, nhã nhặn rời khỏi động tuyết để đi gặp ông giám thị cảnh sát. Ông ta xin lỗi về thái độ bất lịch sự của nhân viên, nhưng ông ta rất tiếc phải trục xuất Tenzin khỏi Ấn Độ vì đã quá thời hạn cư trú. Tenzin phải rời Ấn trong vòng 10 ngày. Tenzin kiên nhẫn giải thích cho ông Giám Thị hiểu rằng cô đã ở Ấn Độ 24 năm rồi và cô cũng không dự định sẽ rời khỏi nơi đây chỉ trong vòng 10 ngày nữa. Hơn thế nữa, đó không phải là lỗi của cô vì cô đã báo cho người nhân viên cũ của sở Di Trú để họ làm cái mới lại cho cô.

Trước sự thành thật và hợp lý của Tenzin, viên giám thị dịu giọng lại và nói rằng ông ta sẽ nghỉ phép một tháng và không trục xuất Tenzin ngay lập tức, nhưng dù sao đi nữa, cô cũng phải rời khỏi nơi ẩn cư trước khi ông nghỉ phép trở về.

Tenzin Palmo leo lên động tuyết trở lại, nhưng đã vô ích. Cô đã bị người khác trông thấy, cô bắt buộc phải nói chuyện và như thế coi như cô đã dứt khoát bị "bể thất". Cô không thể tiếp tục được nữa. Theo luật lệ nhập thất, người hành giả không được tiếp xúc, không được để bị bắt gặp - tất cả những chuyện xảy ra dù ngoài ý muốn của Tenzin, nhưng coi như là cô đã bị động tâm rồi. Thời gian hạn định nhập thất của cô chỉ còn 3 tháng, 3 tuần, và 3 ngày nữa thôi là hoàn tất mỹ mãn; nay thế là hỏng cuộc.

Đáng lẽ cô phải hét lên mới hả hết cơn giận dữ bực tức của cô, nhưng nhờ vào tu tập, Tenzin chỉ cười và nói: "Chắc chắn đó không phải là cách mà tôi lựa chọn để chấm dứt thời kỳ nhập thất. Nhưng, dù sao đi nữa, tôi cũng phải ở lại vài ngày để thu xếp và từ từ gặp lại mọi người."

Tin Tenzin Palmo bị "ra thất" đã lan truyền nhanh chóng, và các bạn cùng người quen biết cô đều náo nức muốn gặp lại Tenzin để xem cô thế nào, có khác xưa nhiều không, cô đã chứng nghiệm được gì trong thời gian dài một mình ở động tuyết? Có thể cô đã trở thành một nữ thần đầy quyền năng và linh thiêng?

Bà Didi Contractor, người ghé thăm Tenzin lần đầu tiên

khi cô mới lên ở động tuyết, lên gặp Tenzin lại và trở về thuật chuyện: "Tenzin Palmo không thay đổi gì, ngoại trừ sự tiến bộ tâm linh thật rõ rệt. Sự nồng nhiệt, thái độ cởi mở hòa nhã, sự nhạy bén tinh thông vốn sẵn có trong cô, nay còn hơn thế nữa. Tenzin đã thành công rõ ràng. Tôi nghĩ rằng những người bên ngoài khó thấy được kết quả của sự phát triển của Tenzin. Đó là sự bí mật giữa Tenzin và đấng thiêng liêng. Tenzin đã gặt hái được kết quả tâm linh hơn những vị hành giả Tây Phương mà tôi đã gặp."

Một người khách khác đến thăm Tenzin là Lia Frede, một phụ nữ người Đức cư ngụ trong một căn nhà rất đẹp ở Dharamsala. Lia Frede đã biết Tenzin từ vài năm trước. Lia cũng rất quan tâm về các vấn đề tâm linh và hơn thế nữa, cô ta đã hành trì pháp môn thiền Vipassana (thiền Minh Sát), và cũng đã nhập thất vài lần. Thật trùng hợp là Lia Frede đang hướng dẫn một nhóm sinh viên nghiên cứu về Sinh Thái học vùng Lahoul khi cô nghe tin Tenzin ra thất.

- "Tôi nôn nóng muốn có cơ hội để nói chuyện với Tenzin vì tôi muốn biết cô đã đạt được những gì. Tôi và hai người bạn tìm đường để leo lên động. Tới nơi, tôi cảm thấy sỗ sàng quá vì chưa báo trước, nên nói hai người bạn đứng ở ngoài cổng để tôi vào trước xem sao. Nhưng Tenzin đã ra cửa lập tức và cười thân mật nói: "Vào đây và mời bạn của cô vào luôn. Tôi đang nướng bành mì. Cô dùng trà không?" Tenzin thật bình dị. Chúng tôi dùng trà, ăn bánh mì nướng với dầu mè và có cảm tưởng như đang dùng cữ trà buổi xế trưa ở Anh quốc vậy. Thật êm đềm và thú vị."

Khi Tenzin tiễn chúng tôi ra cửa động, tôi không kềm được nữa nên hỏi ngay cô đã chứng đạt những gì. Tôi mong muốn sẽ được cô chỉ bày. Tenzin lặng lẽ nhìn tôi và trả lời: "Chỉ có một điều duy nhất tôi nói với cô là tôi không hề bao giờ buồn chán cả." Thế thôi - Tenzin chỉ nói một câu độc nhất và không hé răng ra nữa.

Và cũng giống như Didi Contractor, Lia Frede đã nhận thấy những đặc tánh nổi bật của bạn gái mình.

"Tenzin Palmo thật chân thành, trong sáng, giản dị, và bình đẳng thực sự. Cô không hề bị ảnh hưởng hay thiên kiến về bất cứ một sự việc gì. Cô đối phó hay ứng xử mọi trường hợp hay biến cố xảy ra cho cô với một tâm hồn thẳng thắn, khách quan, không hề bị vướng mắc. Không phải cô tỏ vẻ ra như vậy, mà thực sự cái "Ta" tầm thường, nhỏ mọn cố hữu của con người đã biến mất nơi cô. Tôi cũng rất kính phục sự gan dạ và bình tĩnh của cô khi bị vùi sâu trong trận tuyết lở năm nào. Nếu tôi gặp trường hợp đó, chắc tôi sẽ kinh hoàng mà chết. Ngược lại, Tenzin vẫn bình thản ngồi quán "Tử Niệm"; và khi tôi nghe tin là cô cũng suýt bị bỏ chết đói, tôi rất giận dữ và muốn tìm hiểu lý do, nhưng Tenzin cũng chẳng thèm để tâm tới và cô cũng không hề càu nhàu trách cứ viên giám thị cảnh sát đã làm khó dễ cô không cho cô nhập thất nữa. Cô biết tự mỗi chúng sanh đều mang theo nghiệp quả của riêng mình; ngay cô cũng vậy, cô cũng chưa thoát khỏi mãnh lực của quả báo do vô lượng kiếp trước của cô nên cô rất thản nhiên chấp nhận và tìm phương chuyển nghiệp. Đối với tôi, thái độ khách quan và tâm bình đẳng đó của Tenzin đã chứng tỏ một trình độ cao về tâm linh."

Riêng đối với Tenzin, cái quan trọng hơn những lời bình phẩm suy luận của mọi người về cô là cô sẽ ứng xử ra sao khi tiếp xúc lại với thế giới bên ngoài sau một thời gian quá lâu tĩnh tu nhập thất không hề tiếp cận với mọi người chung quanh? Theo sự thú nhận của vài hành giả Tây Phương, sau một thời kỳ ngắn tĩnh tu, đã quen với không gian thanh vắng yên tịnh, khi tiếp xúc lại với cuộc thế, hầu như họ đều bị choáng váng như bị một cú "sốc" chấn động vào não bộ và các giác quan; cảm tính của họ. Phải mất vài tuần lễ sau, họ mới từ từ quen thuộc trở lại. Còn Tenzin đã cắt đứt quan hệ với thế giới trần tục gần 12 năm và sống cô liêu trong một hang động cheo leo cao hơn 13.000 bộ, thì cô phải làm sao khi bắt buộc phải trở lại vùng triền phược luẩn quẩn này? Cô nói:

- "Lần đầu tiên tiếp xúc lại với mọi người, tôi cũng cảm thấy hơi khó chịu, choáng ngộp, và mệt mỏi vì tiếng động ồn ào và hình ảnh mầu sắc lăng xăng - nhưng sau đó một lúc thì tôi đã trấn tĩnh lại và không có gì. Mọi việc đều tốt đẹp."

Lia Frede nhận xét thêm về Tenzin Palmo:

- "Tenzin Palmo có tấm lòng từ bi bao la vô cùng. Cô rất khách quan và tiếp nhận mọi lời khuyên góp ý hay lắng nghe tất cả những lời than thở của mọi người. Cô đã khôn khéo sáng suốt tùy trường hợp mà hóa giải mọi nguời, không kể người đó là Thánh nhân hay kẻ tội lỗi. Tôi thấy rằng hễ bất cứ ai cần đến sự giúp đỡ của cô, cô đều sẵn lòng cả. Đó là vì sao mọi người đều chạy đến cô để tìm cầu một sự an ủi, cảm thông, dạy bảo hay hướng dẫn cách tu tập, và ai ai cũng nói là khi tiếp xúc với cô,

họ đều cảm thấy thoải mái, êm dịu, và được chan chứa một sự thuần khiết thanh cao tỏa ra từ cô."

Tenzin chỉ trả lời giản dị khi nghe bình phẩm như vậy:

- "Tôi là tôi, không thay đổi và bất cứ ở đâu, trong trường hợp nào. Tôi nghĩ tôi cũng có hai mặt của tâm hồn tôi. Một mặt tôi rất thích được sống yên tĩnh một mình; một mặt là sự giao tiếp với xã hội và tình cảm thân thiết. Tôi không biết là tôi có khả ái với mọi người hay không, nhưng tôi biết chắc rằng với bất cứ ai, quen thuộc hay xa lạ, tôi đều cư xử bình đẳng như nhau, trân trọng và cởi mở. Vì thế, dù tôi rất thích được sống cô độc, nhưng tôi vẫn không buồn hay khó chịu khi phải trở lại thế giới bên ngoài."

"Một khi người tu đã đạt được "Tự Do Nội Tại Tuyệt Đối" thì họ sẽ không bị ảnh hưởng gì bởi hoàn cảnh bên ngoài. Tâm họ như như bất động, vạn sự đến đến đi đi như mây gặp gió, sóng biển dập dờ; nhưng dù như như tự tại đối với vạn duyên, tâm vị hành giả vẫn thấy xót thương cho đám người ngu muội cứ mãi ngụp lặn vui chơi trong bể khổ, không muốn tìm lối thoát."

Khi được hỏi tại sao người tu cần phải nhập thất, Tenzin đáp:

- "Vị hành giả muốn nhập thất để tự mình chứng nghiệm "Ta là ai?" và "Ta muốn gì?" - Một khi người đó đã thực thấu suốt chính mình thì họ sẽ dễ dàng hiểu được người khác, bởi vì vạn vật trên cõi đời này đều tương quan tương tức với nhau. Nếu chúng ta không hiểu được mình

và còn vướng mắc vào triền phược thì làm sao lắng nghe được nỗi khổ hay chia xẻ niềm vui của kẻ khác?

"Có hiểu mới có thương" - do đó, khi gặp một vị ẩn tu đã 25 năm hơn chẳng hạn, bạn sẽ thấy vị ẩn sĩ đó không lạnh lùng hay cách biệt gì cả; mà trái lại, họ rất dễ thương và tràn đầy từ bi. Lòng từ họ ban bố cho bạn không đặt trên một tiêu chuẩn kích thước gia thế, vọng tộc, hay địa vị xã hội hoặc tình cảm cá nhân của bạn. Họ rất khách quan và bình đẳng, không thiên vị. Duy nhất chỉ có từ bi ban bố cho tất cả chúng sinh không phân biệt, như mặt trời chiếu sáng lên vạn vật, chan hòa khắp mọi nơi. Từ bi khác với cảm giác, tình cảm bởi vì tình cảm thì luôn luôn có sự đối chiếu - "Cho đi và Nhận lại" - và loại tình cảm đó rất vô thường, mong manh, dễ tan biến; nhưng Từ Bi thì thuần nhất, bình đẳng, không đòi hỏi phân biệt."

Tenzin nói tiếp:

- "Tôi biết là thời hạn tôi sống ở Ấn Độ đến đây là chấm dứt. Tôi cần phải trở về phương Tây để làm những gì tôi cần phải làm. Suy cho cùng, tôi không phải là người Tây Tạng. Sau 24 năm sống ở Ấn và không đọc gì hết ngoài kinh sách Phật giáo, tôi biết là tôi cũng bị thiếu sót về kiến thức thế gian, và nếu tôi muốn hoằng dương Phật pháp ở phương Tây, tôi cần phải trám lỗ hổng kiến thức để hoàn thành những gì tôi cần phải làm."

CHƯƠNG MƯỜI BA
THỰC HIỆN ƯỚC MƠ

Một buổi sáng tháng 3 năm 1993 tại Dharamsala, trước kia là trụ sở của Anh trên một ngọn đồi ở Himachal Pradesh, Bắc Ấn, nay là chỗ cư ngụ của Đức Đạt Lai Lạt Ma thứ 14 và chính phủ lưu vong của Ngài, Tenzin Palmo được mời tham dự buổi hội thảo Phật giáo Tây Phương đầu tiên với chủ đề "Những vấn đề liên quan đến sự truyền bá Đạo Phật sang phương Tây." Cùng tham dự với Tenzin có 21 vị đại diện các tông phái Phật giáo chính thống ở Âu Châu và Mỹ Châu, cũng như các vị Lạt Ma nổi tiếng của các dòng truyền thừa Phật giáo Tây Tạng. Buổi thảo luận xoay chung quanh những chủ đề như: "Vai trò của vị lãnh đạo tinh thần", "Những khác biệt tâm lý giữa Đông Phương và Tây Phương", "Những tiêu đề đạo đức", v.v... bỗng một nữ cư sĩ người Đức, Sylvia Wetzel, phát biểu ý kiến về "Vai trò của phụ nữ trong Phật giáo."

Khi Sylvia Wetzel tung ra ngón đòn độc đáo này, cả hội trường chợt nín lặng. Sylvia đứng lên mời Đức Đạt Lai Lạt Ma và tất cả quan khách hãy cùng cô ta thử tưởng tượng như thế này:

- "Xin quý vị hãy tưởng tượng mình là một người đàn ông duy nhất đi vào một trung tâm Phật giáo. Qúy vị thấy bức tranh của Nữ Bồ Tát Tara và 16 vị Nữ La Hán. Qúy vị cũng thấy Nữ Đạt Lai Lạt Ma thứ 14, hóa thân của 13 vị Nữ Đạt Lai Lạt Ma trong quá khứ cũng đã lần lượt hóa thân từ hình tướng một người nữ. Qúy vị bị vây bọc xung quanh toàn là các vị "Nữ Lạt Ma Cao Cấp" xinh đẹp,

khỏe mạnh, và trí tuệ. Qúy vị lại thấy hàng lô các ni cô hoạt bát, mẫn tiệp, đầy tự tin, và nổi bật. Và quý vị lại thấy những nam tu sĩ rụt rè, khép nép, e sợ, đi vào đằng sau các ni cô. Quý vị đã nghe, đã biết sự kế tục tuyền thừa các vị Lạt Ma Nữ từ đời nữ Bồ Tát Tara truyền xuống cho đến nay."

- "Tại sao các biểu tượng Bồ Tát toàn là người nữ không vậy?"

Sylva giả bộ làm vị Nữ Lạt Ma trả lời:

- "Ồ, đừng lo. Nam và Nữ đều bình đẳng; ồ, gần như vậy. Chúng ta cũng có vài bộ kinh sách nói là "Sanh ra làm người Nam thì vị trí thấp kém hơn và phải gặp nhiều khó khăn hơn vì tất cả các vị lãnh đạo tinh thần, thể chất, và chính trị đều là người nữ cả - nhưng không sao, trên giấy trắng mực đen, chúng ta đều bình đẳng."

"Rồi lại có một nam cư sĩ rất ngây thơ, đến hỏi một vị tu sĩ thuộc tông phái Đại Thừa Phật giáo:

- "Tôi là một người đàn ông, làm sao tôi có thể nhận diện được tôi như thế nào khi xung quanh toàn là biểu tượng Nữ thế này?"

Sylvia lại giả bộ trả lời:

- "Con cứ quan niệm về Chân Không. Trong Chân Không, không có nam, không có nữ, không có hình tướng - không có gì cả thì đâu có vấn đề gì phải lo, phải không?

"Rồi quý vị lại đi đến một vị tu sĩ Mật Tông và hỏi:" "Họ là phụ nữ, còn tôi là đàn ông. Tôi không biết phải làm sao để giao tiếp cư xử với họ?" và Sylvia lại trả lời: "Ồ, các người nam xinh đẹp kia ơi, thật tốt làm sao khi các vị sanh ra làm người nam để giúp người nữ chúng tôi mau đắc thành Chánh Giác." v.v... và v.v...

Sylvia nêu ra một loạt các lời biện luận đối xử phân biệt giữa Nam và Nữ với một thái độ duyên dáng, buồn cười đến nỗi tất cả mọi người ngay cả Đức Đạt Lai Lạt Ma phải bật cười ha hả.

Sylvia đã nói lên tiếng nói của hàng triệu con tim phụ nữ từ ngàn xưa tới nay. Họ đã kiên nhẫn chịu đựng, chấp nhận một cách câm lặng từ hơn 2500 năm qua và nay, họ phải lật đổ sự chèn ép phi lý của phái nam trên bản thân người nữ.

Những người khác hưởng ứng theo Sylvia.

Một vị giảng sư và tác giả Phật học, Ni Sư người Mỹ Thubten Chodron, nói: "Chính bản thân tôi cũng đã bị đối xử thiên lệch như vậy trong những khóa tu hay ở thiền viện, mặc dù người ta khéo che giấu nhưng tôi vẫn nhận ra sự thiên kiến trọng nam khinh nữ đó."

Một vị thiền sư phát biểu:

- "Đây quả đúng là một sự thách đố gay cấn thú vị cho phái nam phải thấy rõ tiềm năng người nữ và chấp nhận sự thật."

Một vị tăng sĩ Phật giáo Tây Tạng người Mỹ, Thubten Pende cũng bày tỏ ý kiến của ông: "Khi tôi dịch những kinh sách có nói về luật xuất gia, tôi rất ngạc nhiên và sửng sốt là giới ni bị áp đặt quá mức như: một vị Ni Trưởng nhiều tuổi hạ vẫn phái đi sau một vị tăng sa di, mặc dù tuổi đời, tuổi đạo của vị ni trưởng đó cao hơn, lớn hơn; nhưng tại vì là nữ nên phải chấp nhận như vậy. Tôi có nghe nói về điều này nhưng tôi chưa hề tìm ra chứng cớ về điều luật đó. Trong một giới đàn, tôi phải đọc lên điều luật đó và tôi cảm thấy bối rối lẫn xấu hổ về sự phân chia cách biệt đó. Tôi đã tự hỏi: "Nếu bị xếp đặt như vậy, tại sao vị ni sư đó không đứng lên và rời khỏi? Nếu là trường hợp tôi, tôi sẽ không tham dự nếu đối xử kỳ thị với tôi như vậy."

Một vị tăng sĩ phái Nguyên Thủy người Anh, Thượng Tọa Ajah Amaso cũng nói:

- "Khi thấy giới ni không được nhận sự cung kính tôn trọng như tăng sĩ, tôi cảm thấy đau lòng vô cùng; cũng giống như ai đó cầm cái giáo, cái mác đâm vào ngực tôi vậy."

Và giờ đến lượt Tenzin Palmo phát biểu:

- "Khi tôi mới đến Ấn, tôi sống trong một tu viện có đến cả trăm vị tăng. Tôi là vị ni cô duy nhất ở đó. Sự đối xử kỳ thị của các tăng sĩ đã khiến tôi quyết định rời bỏ tu viện để lên động tuyết ở. Các vị tăng rất tử tế, tôi cũng chẳng hề bị gây rối tình dục hay bất cứ một vấn đề nào khác, nhưng phải nói là tôi bị cư xử khác biệt vì tôi là phái nữ. Họ thường nói với tôi là họ luôn cầu nguyện cho

tôi chuyển được thân nam vào kiếp sau để tôi có thể gia nhập vào Tăng đoàn và được tu học như họ. Họ cũng không chống đối tôi quá mức vì tôi là nữ, nhưng dù sao đi nữa, tôi vẫn phải chấp nhận sự coi thường rẻ rúng đó trong tu viện cũng như của các tín đồ."

"Các vị Lạt Ma đã cạo đầu, làm lễ xuất gia cho giới ni, nhưng họ đã phủi sạch tay và quăng bỏ các ni cô ra ngoài, không dạy bảo, không chuẩn bị cho họ gì cả, không khuyến khích, không nâng đỡ hay hướng dẫn - hơn nữa, các ni cô phải tinh nghiêm giữ giới, nỗ lực tu hành và điều khiển các tu viện. Thật là khó khăn và tôi rất ngạc nhiên là có nhiều thiền viện Phật giáo Tây Phương được xây cất nhưng nhiều ni cô đã hoàn tục. Họ đã vào tu với tấm lòng khao khát tìm đạo, hăng say hướng thượng, niềm tin chân chánh và sẵn sàng xả thân hy sinh vì đạo pháp, nhưng không có một ai giúp đỡ họ cả.

"Kính bạch Đức Đạt Lai Lạt Ma, đó là một sự thật chưa từng xảy ra trong lịch sử Phật giáo ngày xưa."

"Trong quá khứ, Tăng đoàn được tổ chức rất chặt chẽ, được Phật tử cúng dường và bảo vệ. Nhưng ở phương Tây thì không được như vậy. Tôi thực sự không hiểu tại sao. Có rất ít tu viện Phật giáo ở phương Tây, và hầu hết là theo truyền thống Nguyên Thủy Phật giáo. Như quý vị đã biết, các ni cô tu theo Phật giáo Nguyên Thủy thì kể như không có tiếng nói hay vị trí gì cả. Sự phân biệt kỳ thị rõ ràng đó là một sự thật không thể chối cãi được."

"Tận cùng thâm tâm, tôi luôn cầu nguyện rằng sự trong

sáng thanh cao của đời sống xuất gia và chánh pháp sẽ không bao giờ bị chôn vùi trong đống bùn lãnh đạm và khinh miệt phi lý giữa người và người, giữa nam và nữ như vậy."

Tenzin Palmo đã thống thiết chân thành nói lên tất cả cảm nghĩ của mình khiến cử tọa đều xúc động; ngay Đức Đạt Lai Lạt Ma cũng đỏ hoe đôi mắt. Ngài chậm rãi lau kính, nói nhẹ nhàng: "Cô thật can đảm."

Bài diễn văn ngắn gọn của Tenzin đã đánh dấu bước đầu thực hiện ước mơ thành lập nữ tu viện của cô. Cô đã dám can đảm phê bình hệ thống cũ rích của Tăng đoàn, nhưng nói là một lẽ, còn cần phải hành động nữa; và ai sẽ là người đứng lên đảm nhiệm trọng trách cải tổ hệ thống Tăng đoàn?

Những kinh nghiệm rút tỉa được trong sự cô độc và đối xử kỳ thị phân biệt ở Dalhousie nay lại giúp Tenzin làm tròn vai trò lãnh đạo của mình. Cô đã chờ đợi gần 30 năm mới có cơ hội để bày tỏ ý kiến cá nhân, phản đối lại hệ thống cũ mòn của Giáo hội, nhưng chậm vẫn còn hơn không. "Thời điểm giải phóng phụ nữ đã đến rồi !". Tenzin biết rất rõ con đường trí tuệ mà giới nữ đang bước tới sẽ gặp nhiều gập ghềnh khó khăn. Cô đã đau khổ, đã chịu đựng, nhưng chắc chắn cô phải vượt qua và giúp giới Nữ tu khắc phục khó khăn. Tenzin bắt đầu giúp các ni cô Tây Phương ở Bồ Đề Đạo Tràng tổ chức một cuộc hội thảo để trao đổi quan niệm và giải quyết một số vấn đề về tài chánh và cộng đồng. Sau đó, cô lại ủng hộ một nhóm phụ nữ khác đòi hỏi quyền lợi được thọ giới Tỳ Khưu Ni. Tenzin cũng định sẽ nhập thất trở lại nhưng

một công tác Phật sự tối cần thiết hơn chờ đợi Tenzin - đó là thành lập một nữ tu viện theo tông phái Drukpa Kargyu của cô. Ý định này đã được Tenzin ấp ủ từ lâu theo kế hoạch của Sư Phụ là ngài Khamtrul Rinpoche. Khamtrul Rinpoche đã chỉ một mảnh đất vùng thung lũng Kangra, nơi ngài đã xây lại tu viện Tashi Jong, và nói : "Sau này, con có thể xây dựng một nữ tu viện tại đây." Lúc đó, Tenzin chưa nghĩ tới việc thành lập một nữ tu viện, vì có vẻ xa vời quá. Nhưng nay, cô đã già hơn, chững chạc hơn, và đã xong thời hạn 12 năm ẩn cư ở động tuyết, và nhập thế trở lại. Cô nghĩ bây giờ là phải lúc để thực hiện Phật sự quan trọng này vì các ni cô người Tây Tạng đang cần sự giúp đỡ của Tenzin hơn ni chúng Tây Phương. Cũng như tình trạng bên ni giới Tây Phương, giới nữ tu Tây Tạng không có nơi chốn nhất định để ở hay để đi, bởi vì họ đã bị người ta bỏ quên qua một bên để gấp rút xây tu viện cho Tăng chúng tị nạn khỏi Tây Tạng. Ni chúng còn bị giảm bớt đi trong số các người nấu cơm cho Tăng chúng hay là bắt buộc phải về gia đình lại để tiết kiệm ngân khoản của chùa. Điều đó khiến Tenzin đau buồn vô cùng.

CHƯƠNG MƯỜI BỐN
VỊ ĐẠO SƯ

Do nhiều biến cố ngoài ý muốn, Tenzin bất đắc dĩ phải đảm nhiệm vai trò giảng sư. Cô không hề vạch ra kế hoạch thay đổi lạ lùng này, cũng không thích thú gì mấy trách nhiệm lãnh đạo tinh thần đó; cô chỉ thích sống yên tịnh và cô liêu để đạt mục tiêu thành đạo của cô; nhưng những đòi hỏi cấp bách về tài chánh để thành lập một Ni viện giúp cho các nữ tu khác bắt buộc Tenzin phải thay

đổi kế hoạch của riêng mình và đứng lên đảm trách công tác nặng nề này.

Muốn mua một mảnh đất gần Tashi Jong để xây tu viện phải cần tới hàng 100.000 đô la để mua gạch, xi-măng, cát, đá, v.v... ; vì thế, Tenzin đã đi thuyết giảng hết trung tâm Phật giáo này sang tu viện khác, giảng cho nhóm nghiên cứu này sang nhóm tu học nọ, trao đổi, góp ý kinh nghiệm cá nhân về tâm linh cũng như trí tuệ 30 năm tu học của cô để quyên góp tiền bạc. Mặc dù công tác hoằng dương Phật pháp và lạc quyên rất khó nhọc, và trải qua những tuần, những tháng, những năm dài đi khắp mọi nơi trên thế giới để thuyết giảng, Tenzin vẫn ôn hòa kiên nhẫn, bình tâm, và cư xử bình đẳng trân trọng đối với mọi người (người cho 5 đô la hay người cho 5000 đô la đều ngang hàng nhau, không thiên vị, phân biệt).

Tenzin tâm sự:

- "Các vị Lạt Ma cao cấp đã cầu nguyện và nói công tác xây cất nữ tu viện này sẽ thành tựu. Tôi rất tin tưởng và an tâm tiếp tục, không nản chí."

"Có nhiều lúc tôi nghĩ làm sao tôi có thể đảm nhiệm trọng trách này, tôi cũng không biết nữa. Nếu cách đây vài năm, có người nói với tôi rằng nên đi thuyết giảng khắp thế giới để quyên tiền, chắc tôi nghĩ là họ đã điên rồi. Nhưng bây giờ, nếu tôi không làm thì ai làm đây? Và đó cũng là cách báo ơn Sư Phụ của tôi."

Dòng thời gian cứ lặng lẽ trôi qua. Tenzin bắt đầu chương trình du thuyết của cô tại Singapore năm 1994, một năm sau khi cô trình bày quan điểm của cô về tình

trạng Ni giới lên Đức Đạt Lai Lạt Ma. Cô không chuẩn bị nên vừa đến Singapore, cô gặp trắc trở liền. Không một ai biết Tenzin là ai, thế nào, và họ cũng không biết là cô đã đến Singapore. Trong lúc bối rối đó, cô bỗng gặp lại một người quen cũ, một người phụ nữ Trung Hoa tên Wong Pee Lee. Thật là một sự gặp gỡ kỳ thú, vì đêm trước Wong Pee Lee đã nằm mơ thấy Tenzin đứng giữa các nữ thần Dakinis lộng lẫy với xiêm y lụa là đủ mầu sắc. Trong giấc mơ, Wong Pee Lee nghe văng vẳng một giọng nói vang lên: "Đã đến lúc nhà ngươi phải giúp đỡ các phụ nữ khác !"

Tenzin nói cho Wong Pee Lee biết về mục đích xây Ni viện của cô. Giấc mơ của Wong Pee Lee đã ứng nghiệm. Wong Pee Lee bắt tay thực hiện và buổi thuyết trình đầu tiên của hàng trăm buổi giảng khác về sau được tổ chức với sự giúp đỡ ủng hộ của rất đông người. Từ Singapore, Tenzin du thuyết xuyên qua Đông Nam Á, vòng quanh Mã Lai Á (Malaysia), Đài Loan (Taiwan), Brunei, Hồng Kông, Sarawak, Nam Dương (Indonesia), Cao Miên (Cambodia), Phi Luật Tân (The Philippines), rồi tới nước Anh, Pháp, Hoa Kỳ qua các tiểu bang Washington, Seatle, Nữu Ước, Maryland, Vermont, Hạ uy Di; và qua lại vùng biển California trước khi trở về Á Châu và lại đi thuyết giảng một vòng khắp các nước khác. Mỗi lần tổ chức thuyết giảng đều có người giúp Tenzin soạn thảo chương trình. Bất cứ nơi nào cô đến đều đông đảo người nghe và họ rất quan tâm đến những kinh nghiệm sống tâm linh của một nữ tu sĩ ẩn cư 12 năm trong động tuyết. Họ khát khao được nghe giáo pháp và náo nức xem Tenzin chuyển đạt kinh nghiệm tâm linh của cô như thế nào. Họ đã không thất vọng. Tenzin đã chứng tỏ cô là

một giảng sư, một đạo sư xuất sắc. Tenzin đã nói với tất cả sự chân thành tận đáy tâm hồn cô, không cần giấy, không cần chuẩn bị, và với lời nói cứ tuôn ra đều đặn trong suốt như pha lê. Đại chúng đã uống từng lời nói của Tenzin và từng vấn đề của họ đã được Tenzin giải đáp. Hơn thế nữa, tất cả mọi người như cảm nhận được làn sóng tâm linh của cô trong những năm dài ẩn cư thiền định. Tenzin không nói vòng vo tam quốc mà trực thẳng vào trung tâm vấn đề một cách chân thành, cởi mở, thực tiễn, thẳng thắn, và đầy thông minh, sắc sảo. Tenzin khác hẳn với các triết gia hay các giảng sư khác chứa đầy những kinh sách chữ nghĩa vay mượn; cô nói bằng chính sự chứng nghiệm cá nhân thực thụ, bằng sự nỗ lực tinh cần tu tập bền lâu, bằng niềm tin sắt đá vào Tam Bảo, và Trí Tuệ Từ Bi khai phóng tự nhiên.

Đối với các vị Lạt Ma Tây Tạng khác gặp nhiều khó khăn trong công tác hoằng dương truyền bá Phật pháp qua Tây Phương vì ngôn ngữ bất đồng, văn hóa sai biệt và trình độ Anh ngữ của các sư còn quá kém, nhất là giáo lý Phật giáo Mật Tông lại quá thâm sâu khó hiểu; Tenzin được thuận duyên hơn khi giảng giải Phật giáo đến các ngườI Âu Mỹ, vì tiếng Anh là ngôn ngữ mẹ đẻ của cô và dù sao đi nữa, là ngườI bản xứ, Tenzin quen với phong tục tập quán Âu Mỹ hơn các vị tu sĩ Tây Tạng. Cô đã đi từ trung tâm thiền viện Phật giáo Tây Tạng này qua những nhóm thiền sinh khác, giảng Thiền Minh Sát cho các tín đồ cộng đồng Thiên Chúa Giáo, ngay cả những nhóm phi tôn giáo cũng chịu tu tập nghiên cứu giáo lý; và càng hoạt động Phật sự, tiếng tăm Tenzin càng nổi lên như cồn bởi đức hạnh và trí tuệ uyên bác của cô.

Khi giảng cho một nhóm nghiên cứu trị liệu pháp ở Seatle, Tenzin đã nói:

- "Đầu óc chúng ta như bãi chứa đồ phế thải. Cái gì chúng ta cũng chất chứa vào cái bãi đó. Những buổi tranh luận, hội thảo, hội họp báo chí, những trò chơi giải trí, v.v... chúng ta đều chất chồng trong đầu óc chúng ta, và đó là lý do vì sao chúng ta mệt mỏi quá. Chúng ta mệt mỏi vì chúng ta ôm đồm quá, tham lam quá nên không chịu buông bỏ gì hết.

"Tôi rất hoan nghinh công việc các bạn đang làm. Các bạn chọn công việc này không phải chỉ vì miếng ăn sự sống - nếu chỉ là kiếm sống thì dễ quá - nhưng các bạn chọn công việc này vì các bạn muốn giúp đỡ người khác. Các bạn đã cho đi tất cả những gì các bạn có, và các bạn cũng cần tiếp thu lại, nếu không, đầu óc các bạn sẽ giống như những cái thùng rỗng tuếch. Chúng ta luôn luôn cho đi và nhận lại, cho đi và nhận lại."

"Người ta thường nghĩ rằng mỗi khi họ mệt, cần phải nghỉ ngơi thì họ bật TV lên, hay ra ngoài dạo phố, hoặc uống vài ly bia rượu, v.v... nhưng thực ra, những thức đó không giúp được gì mà trái lại, còn nhồi nhét sự mỏi mệt thêm vào đầu óc vốn đã căng thẳng vì bao công việc - ngay cả giấc ngủ cũng chưa chắc đã là sự nghỉ ngơi thực sự.

"Muốn được yên nghỉ thực sự và hoàn toàn, chúng ta cần chuẩn bị sẵn cho chúng ta một khoảng trống vắng, yên tịnh tâm linh. Chúng ta cần dọn dẹp sạch sẽ đống rác

trong cái bãi chứa, và lắng đọng lại những tiếng động bên trong, và phương cách thực hiện để tìm sự yên tịnh tâm hồn là Thiền Quán trong Tỉnh Thức. Đó là phương cách hữu hiệu nhất để giúp cho đầu óc chúng ta được nghỉ ngơi nhưng nhậy bén. Chỉ cần 05 phút thôi, chúng ta sẽ cảm thấy con người chúng ta tươi mát trở lại, tinh xảo trở lại, minh mẫn trở lại, nhậy bén trở lại."

"Người ta hay nói: "Tôi không có thì giờ để thiền, không có thì giờ để nghỉ, không có thì giờ để làm cái này cái nọ, v.v.." Điều đó không đúng. Chúng ta có thể thiền khi đi dọc hành lang sở làm hay nhà, khi đợi máy vi tính thay đổi những chương trình, hay khi chúng ta dừng xe ở đèn đỏ các ngã tư, khi đứng xếp hàng, khi vào phòng tắm, hay cả khi chải đầu. Chúng ta hãy tỉnh giác trong từng giây phút, ý thức trong từng hành động. Chúng ta thử chọn một việc làm nào đó trong ngày và tập trung hoàn toàn tư tưởng vào nó, và rồi chúng ta sẽ thấy kết quả ngoài ý muốn - Một sự thư giản và tỉnh thức trọn vẹn .

"Thiền định không phải là chỉ ngồi yên trong hang động cả 12 năm, mà chính là phải tu tập từng phút, từng ngày. Chúng ta thực tập hạnh bố thí, nhẫn nhục, tinh tấn ở đâu? Pháp Phật không phải là những giáo điều nói suông, rỗng tuếch - Pháp Phật vi diệu ở nơi thực hành để chuyển hóa tâm thức; những sự chuyển hóa tâm thức đó sẽ không bao giờ đạt được kết quả nếu chúng ta mê muội cho là chỉ cần ngồi yên thiền định và không hiểu biết lý lẽ của các pháp vốn biến chuyển sinh diệt từng giây phút trong dòng sinh mệnh của con người. Lý do đơn giản là chúng ta đã quên, đã đánh mất đi thực tại."

Chúng ta nghĩ giác ngộ là một cái gì thật là to lớn, thật vĩ đại, thật phi thường - nhưng chúng ta đã lầm.

"Giác ngộ chân lý thật ra vô cùng đơn giản, nó ở ngay trước mắt chúng ta, ngay trong phút giây hiện tại và bây giờ. Và một khi chúng ta ý thức được hiện tại, chúng ta giác ngộ được chân lý.

"Tiếng Sanskrit gọi là Tâm Thức là "Smriti", tiếng Pali gọi nó là "Sati", và tiếng Tây Tạng là "Drenpa". Nói chung, tất cả đều có nghĩa là "Hồi tưởng, Nhớ lại". Khái niệm đó quả không dễ hiểu. Nếu Tâm Thức còn có một nghĩa "Hồi tưởng, Nhớ lại" thì kẻ thù của nó là "Quên Lãng". Chúng ta chỉ tỉnh thức trong chốc lát và rồi chúng ta lại quên. Quên rồi nhớ, nhớ rồi quên. Vấn đề rắc rối là ở chỗ đó, vì sao? Bởi vì chúng ta không có thói quen nhớ nên cứ hay quên.

Cái đau khổ nhất của con người là họ luôn nhìn sự vật qua lăng kính khái niệm, phán xét, hay suy diễn. Thí dụ như khi chúng ta nhìn một người nào đó, chúng ta không nhìn đúng người đó đang là, mà chúng ta nhìn người đó qua sự liên hệ giữa ta và người đó, qua tình cảm cá nhân chúng ta thích hay không thích họ, hay người đó gợi cho chúng ta nhớ lại kỷ niệm gì, hình bóng nào, hoặc là người đó có những đức tính hay cá tánh gì hợp vớI chúng ta - Đối với tất cả sự vật, chúng ta đều đánh giá qua những giác quan thấy, nghe, nếm, ngửi, sờ mó, cộng thêm suy tưởng và kinh nghiệm của chúng ta. Và rồi, ý thức và kinh nghiệm đó đã đánh lừa chúng ta và biến chúng ta thành những con người máy móc, điều kiện. Hễ ai bấm nút thì người máy đó cử động, nói năng."

"Có người sẽ nghĩ rằng "Vậy thì đã sao đâu? Có gì quan trọng đâu?" Nhưng rồi chúng ta sẽ dần dần tách rời thực tại, quên lãng kinh nghiệm, và chúng ta đánh mất luôn con người thật của chính chúng ta.

"Những gì chúng ta cần làm là đem tất cả sự vật trở về lại nguyên vẹn hình hài, bản thể của chúng, và nhìn vạn vật "y như chúng "đang là"; giống như cái nhìn trong sáng, hồn nhiên của đứa bé con không đối đãi, không phân biệt. Đứa bé con nhìn mầu sắc và các hình dáng không qua một lăng kính phán xét nào, đánh giá nào; tâm hồn đứa bé thật tươi mát, trong trắng làm sao ! Đó, trạng thái hồn nhiên tự tại đó chính là cái mà chúng ta phải có trở lại, phải áp dụng trở vào lại đời sống hàng ngày của chúng ta. Nếu chúng ta có thể tập làm được như vậy, tự nhiên chúng ta sẽ chuyển hóa được chính mình và ngoại cảnh."

"Ngài Milarepa đã từng nói: "Càng nhiều sóng gió, càng thêm hưng phấn", bởi vì ngài đã cưỡi lên được đầu ngọn sóng phiền não và lèo lái ngọn sóng đó một cách khéo léo và thăng bằng.

"Đứng ở một lập trường quan điểm trí tuệ, chúng ta cũng nên thích ứng trở thành một con cọp hơn là một chú thỏ con hiền lành. Những chú thỏ thì rất dễ thương, mũm mĩm, nhưng chúng nó không có đủ năng lực để vượt qua trở ngại. Trái lại, những con cọp dù hung dữ, nhưng với năng lực mạnh mẽ sẵn có, nếu biết sử dụng khéo léo, thì năng lực đó chính là sự cần thiết quan trọng nhất để đối địch chốn rừng sâu của loài cọp.

CHƯƠNG MƯỜI LĂM
NHỮNG CUỘC THÁCH ĐỐ

Từ một người ẩn cư trong hang động cô liêu, Tenzin đã phóng mình ra khỏi quỹ đạo của mình để đi vào thế giới trần tục đầy u ám, phiền muộn. Từ một người sống yên tĩnh, Tenzin đã phải nói suốt hàng giờ không ngưng nghỉ. Từ một cuộc sống giản dị đơn thuần, Tenzin đã nhẩy vào cuộc chơi của cuối thế kỷ thứ 20 này; và thế giới mà cô tham dự trở lại đó thật khác xa hoàn toàn cái thế giới mà cô đã bỏ ra đi để tới Ấn độ năm 1963.

Tenzin đã chứng kiến những khủng hoảng, bất an, căng thẳng của một nền văn minh xã hội vật chất dồn dập lên con người; đã thấy tình trạng thất nghiệp leo thang, và đời sống bấp bênh, không biết ngày mai của những kẻ vô gia cư, vô nghề nghiệp. Cô cũng đã đọc báo viết về mức độ tội ác bạo lực gia tăng và vấn đề sử dụng buôn bán ma túy càng ngày càng lan rộng trong xã hội. Cô cũng đã tận mắt trông thấy các bạn cô chạy đua tốc độ đến bở hơi tai theo nhịp sống vật chất cuồng loạn này. Đi đến đâu, cô cũng nghe các cấp chính quyền rao gọi thay đổi chính sách phục vụ cộng đồng cho nền kinh tế duy lý, và bây giờ lại đến những nhu cầu xa hoa mới như sự yên tĩnh, không gian, thời gian, và sinh thái môi trường, và cô cũng nhận thức rõ sự cần thiết cấp bách cho những giá trị tâm linh trong một xã hội thăng tiến vật chất kinh khủng này. Tenzin nói:

- "— đây, người ta nung nấu vì ham muốn. Khác với ở Lahoul, người dân sung mãn về tinh thần hơn dù đời sống tiện nghi văn minh vật chất quả thật thua kém; và ở

đây, ngoài vật chất ra, người ta cũng khao khát tìm tòi một cái gì đó sâu xa và có ý nghĩa hơn trong đời sống của họ. Khi người ta dừng lại những đam mê bản năng, thì người ta lại theo đuổi những nhu cầu khác. Vì thế, con người luôn luôn thất vọng, chán nản, và bức rức. Họ cảm thấy đời sống và mọi thứ sao phi lý, vô nghĩa quá. Họ đã có những gì họ muốn, nhưng rồi sao? Xã hội cứ thôi thúc bắt ép con người ta chiếm hữu hết cái này đến cái khác, nhưng rồi cuối cùng con người sẽ về đâu?

"Tôi đã thấy sự cô đơn đang ngự trị khắp nơi, và con người chán nản không muốn hoạt động gì nữa khi cô đơn. Đó là trạng thái tâm lý hững hờ, lãnh đạm, lệch lạc."

Nhưng đặc biệt hơn những câu chuyện của Tenzin là vào giữa những năm 90, nhánh cây Phật giáo và nền triết lý thâm sâu, mật hiển đã sanh sôi nẩy mầm trên mảnh đất màu mỡ Tây Phương và người dân Âu Mỹ đã bắt đầu tìm hiểu một tôn giáo phương Đông với cái nhìn đúng đắn hơn, trưởng thành hơn, và khách quan hơn - và rồi từ đó, dân chúng gồm đủ mọi thành phần, mọi lứa tuổi ở Âu Châu, Hoa Kỳ, Gia nã Đại, Úc Châu và Tân Tây Lan đều hết sức ngưỡng mộ thán phục nền triết học uyên bác vĩ đại của Phật giáo và hết lòng cung kính các vị Lạt Ma đức hạnh đã truyền bá đạo Phật sang Âu Mỹ. Kết quả rỡ ràng của sự hoằng pháp thành công này là các trung tâm thiền đường Phật giáo, nhất là Phật giáo Tây tạng, đã mọc lên như nấm trên khắp thế giới. Những thời kỳ thịnh vượng của Phật giáo tại Âu Mỹ nay đã suy rồi. Nhưng tín đồ buổi đầu tiên đó, sau 30 năm nghiên cứu thực hành giáo lý, đã bắt đầu tìm hiểu tính chất nhân bản và thực

tiễn hơn của nền tôn giáo đang trồng rễ trên đất nước họ. Những nhược điểm và sự không nhất quán trong nội bộ đồng loạt bị phơi bày ra, và có thể nói, khi Đông Phương bị ràng buộc bởi hàng rào tập tục luân lý xã hội thì Tây Phương, được tự do ngôn luận hơn, không có những đắn đo, ngại ngùng, hay e dè nào cả, sẵn sàng nói huỵch tẹt ra mọi việc.

Tenzin Palmo đã trở về lại cái thê giới trần tục này ngay trong giai đoạn rộn ràng đó; và những cuộc tranh luận, bàn cãi, thách đố nhau công khai, hay những mâu thuẫn trường phái đố kỵ lẫn nhau đã vô tình giúp cho cô tự tìm ra con đường của chính mình.

Những lũng đoạn trong Tăng đoàn Phật giáo ở Âu Mỹ bắt nguồn từ những tật xấu lợi dưỡng cá nhân của các vị Tăng sĩ. Theo Phật giáo Tây Tạng, vai trò và cương vị của vị đạo sư rất quan trọng. Các tín đồ kính ngưỡng vị đạo sư của mình như một vị Phật. "Đạo sư (guru) là Phật, Đạo sư là Pháp, Đạo sư là Tăng." Từ sự suy tôn đó, người ta thần thánh hóa vị đạo sư và cho tất cả những gì vị đạo sư đó nói đều đúng, đều thật, và họ đã vô tình tôn vinh bản ngã ông đạo sư để rồi đưa đến những hậu quả thảm hại, ê chề. Ông đạo sư cũng vẫn còn bằng xương bằng thịt, đã chứng quả Thánh gì đâu, nên những sự cúng dường tôn sùng quá mức đã làm nảy sinh tâm tham đắm mê muội. Ví dụ như trường hợp của Chogyam Trungpa, người thầy hướng dẫn tâm linh và cũng là người bạn đầu tiên của Tenzin Palmo, đã để lại bao nhiêu là tai tiếng bê bối sau khi ông ta qua đời năm 1987. Trungpa không những đắm chìm trong men rượu mà còn liên hệ tình dục với các nữ tín đồ hay đệ tử của ông ta. Nhiều người đã

than phiền và tố cáo hành vi sai trái xúc pham danh tiết phụ nữ của Trungpa; họ còn cho biết là cuộc đời họ thực sự đã bị phá hủy bởi ông này. Kinh khủng hơn nữa là người đệ tử kế thừa của Trungpa, Thomas Rich, pháp danh là Osel Tendzin, sanh tại Mỹ, không những đã nhiễm căn bệnh nguy hiểm AIDS mà ông ta đã hết sức dấu kín, mà còn lây luôn cho một nữ đệ tử trong số hàng loạt các nữ tín đồ dấu tên của ông ta. Đó là một vài trường hợp điển hình trong số rất nhiều vụ tai tiếng bê bối của các vị đạo sư ở Âu Mỹ.

Các nữ tín đồ thật vô cùng ngây thơ khi bị các ông thầy lừa bịp nói là các cô đã được tuyển chọn để làm vợ các ông trong sự liên hệ "thần bí" theo phái Mật tông Tây Tạng; vì thế, các cô rất ư là hãnh diện và sung sướng là mình đã trúng tuyển đặc biệt. Niềm tin mù quáng vào ông thầy đã khiến các cô bị lừa bịp thảm thương và đồng thời cũng gây tiếng xấu ảnh hưởng đến Tăng đoàn Phật giáo. Tenzin Palmo nhận xét rằng người phụ nữ Tây Phương còn kém kinh nghiệm và không hiểu biết phải làm thế nào để tìm cho được một vị minh sư, và ngay cả đến ý nghĩa thế nào là một vị đạo sư chân chính, đúng đắn, họ cũng không rõ nữa. Sự khao khát học hỏi giáo lý và nương tựa vào một vị lãnh đạo tinh thần đã khiến các phụ nữ Tây Phương dễ bị mắc lừa và trở thành con mồi ngon cho sự lợi dụng thỏa mãn tình dục.

- "Nhiều người Tây Phương đã hiểu sai về thiên chức vị đạo sư. Họ cho rằng vị đạo sư là người dìu dắt họ từng bước một trên con đường tìm cầu chân lý, như đứa con cần sự dắt dìu của người mẹ. Nhưng thực ra không phải vậy. Vị đạo sư là người có bổn phận giúp đỡ mọi người

nhận thức rõ ràng hơn, trưởng thành hơn, tỉnh thức hơn. Chức năng của vị đạo sư là giới thiệu cho chúng ta con đường trở về với bản nguyên và sợi dây liên kết giữa thầy trò là một sự cam kết tôn trọng lẫn nhau. Về phần người học trò thì phải có trí tuệ suy xét những gì thầy mình làm có đúng chánh pháp hay không, nghe lời Thầy dạy, và thực hành theo những gì Thầy hướng dẫn. Về phần người thầy cũng phải dạy dỗ hướng dẫn học trò mình đạt được chân lý, dù phải trải qua vô lượng kiếp.

Đức Đạt Lai Lạt Ma cũng có lời khuyên chân thực rằng "Qúy vị phải tìm hiểu dò xét về người thầy mình ít nhất là 10 năm. Qúy vị phải nghe, phải quan sát, phải nhìn cho thật kỹ cho đến khi qúy vị nhận xét ông thầy đó chắc chắn là trong sạch. Ngay trong lúc tìm hiểu đó, qúy vị cư xử với vị thầy đó như một người bình thường và nhận những lời dạy của ông ta như là "một thông báo, một lời giới thiệu." Một người thầy chân chính, đúng đắn không bao giờ đi tìm cầu học trò hay tín đồ gì cả. Chính đức hạnh và đời sống thanh cao của vị thầy sẽ hướng dẫn các tín đồ tìm đến vị thầy xin nương tựa."

Đối với tất cả những phán xét, phê bình hay chê trách những vị đạo sư, Tenzin vẫn luôn luôn kính trọng Sư Phụ của cô là ngài Khamtrul Rinpoche :

- "Tôi có thể nói Khamtrul Rinpoche là người tôi tuyệt đối tin tưởng. Tôi không bao giờ nghi ngờ Thầy tôi dù là một phút giây. Ngài đã chỉ dạy tôi thật chính xác, tuyệt hảo. Tôi không hề thấy có điều gì tôi cần thắc mắc. Sư Phụ tôi lúc nào cũng sắc sảo, trí tuệ, và vô ngã."

Đối với nhiều tín đồ Phật giáo Âu Mỹ, hình tượng "Đạo Sư" đã bị tổn thương nặng nề. Đó không phải chỉ vì những vụ bê bối tai tiếng mà chính vì thời điểm của họ đã tận. Theo sự nhận xét của người Âu Mỹ cuối thế kỷ 20 này, hình tượng vị đạo sư chẳng qua chỉ là sản phẩm của một hệ thống giai cấp trưởng lão trên cơ bản cấu trúc và tôn ti cấp bực; và với sự phát triển của giới lãnh đạo nữ, ngày tàn của hệ thống quyền hành trưởng lão đó sắp sửa kết thúc.

Andrew Harvey, cựu học giả đại học Oxford và cũng là một thi sĩ, đã mất nhiều năm đi tìm chân lý với sự hướng dẫn của nhiều đạo sư khác tôn giáo trên khắp thế giới, kể cả vài vị Lạt Ma nổi tiếng đương thời, Linh Mục Bede Griffiths (người xây một đền thờ ở Ấn), và một nữ đạo sư Ấn Độ Mẹ Meera, đã nói lên kinh nghiệm học hỏi của ông ta trong một cuộc phỏng vấn ở đài phát thanh :"Tôi rất sung sương được học hỏi với các vị thầy của tôi, nhưng đồng thời tôi cũng nhận thức rằng, nếu sự liên hệ giữa thầy trò xảy ra trong tình trạng lệch lạc, kém tinh thần thì chúng ta dễ mất đi niềm tin và phương hướng. Nếu chúng ta không được hướng dẫn đúng đắn thì chúng ta khó có thể tiếp cận đối phó với thế giới bên ngoài được, và sự lệch lạc đó cũng làm băng hoại ông thầy đi. Chúng ta đang đi tìm một kiến thức mới, một mô hình mới của sự liên kết giữa thầy trò phải như thế nào.

Tôi nghĩ rằng trong vòng 10 hay 15 năm tới, sẽ có nhiều thay đổi. Chúng ta sẽ không còn giữ đường lối xưa cũ của các vị thầy phương Đông nữa. Nó không còn phù hợp với thực tế hiện trạng bây giờ. Chúng ta cần một sức

mạnh tinh thần thực sự giúp chúng ta phấn chấn lên và đẩy chúng ta đi tới phía trước

Những gì mà giới trí thức tân tiến ngày nay cần để thay thế cương vị "người thầy" là người bạn tâm linh. Hình tượng người "bạn tâm linh" đó không cần phải rêu rao là đã chứng đắc, cũng chẳng cần phải được tôn sùng tuyệt đối và phải được vâng lời dạy bảo hoàn toàn; mà người bạn đó chỉ cần đồng hành, cùng đi chung một con đường với người đang đi tìm chân lý. Đó là một giải pháp dân chủ phù hợp với văn hóa phương Tây. Tenzin Palmo đồng ý với quan điểm đó. Cô đã gặt hái được nhiều kinh nghiệm vô giá qua sự liên hệ giữa cô và vị đạo sư của cô; như đã nói, Tenzin quả là một người may mắn và phi thường nhất trên đoạn đường tìm chân lý. Tenzin nói :

- "Thẳng thắn mà nói, tôi nghĩ người Tây Phương nên thực tập giáo lý Phật giáo và nương tựa nơi những vị thầy đạo hạnh hơn là những vị đạo sư. Hai danh từ "Thầy" và "Đạo Sư" không cùng một ý nghĩa như nhau đâu. Một vị Đạo sư có sợi dây liên hệ rất mật thiết và đặc biệt quan trọng với người đệ tử, và chúng ta chỉ có một đạo sư mà thôi - nhưng chúng ta có thể có nhiều thầy; như ngài Atisha (vị sáng lập Phật giáo Tây Tạng vào thế kỷ thứ 10), ngài có tới 50 vị thầy. Hầu hết các vị thầy đều có đầy đủ khả năng để hướng dẫn chúng ta và ngay tự chúng ta, chúng ta cũng có thể tự mình đi tới đích một cách hoàn hảo. Chúng ta có trí tuệ, có sức mạnh tâm linh. Nếu chúng ta gặp một thiện hữu trí thức giúp đỡ chúng ta, quá tốt; nếu không, chúng ta vẫn có thể tự chứng qua sự thực hành giáo pháp. Điều quan trọng hơn hết là

chúng ta phải hiểu biết rõ ràng sâu sắc về Phật, Pháp, và Tăng."

CHƯƠNG MƯỜI SÁU
MỘT HANG ĐỘNG ẨN TU CÓ CẦN THIẾT KHÔNG?

Khi Tenzin Palmo ẩn thân trong động tuyết để theo đuổi mục đích cầu đạo của cô, thì các phụ nữ Âu Mỹ khác đang bận rộn phong trào đấu tranh đòi quyền lợi cho phái nữ của riêng họ. Khi Tenzin xuất động, giới nữ cũng đã tạo được một số thành tích đáng kể, và đã tự tin rất nhiều, không còn e dè kiêng nể gì sự thống trị của phái nam hay tôn giáo.

Những thời đại đã thay đổi nhanh chóng, cái cũ phải nhường bước cho cái mới. Vị trí người nữ trong Phật giáo cũng đã thay đổi và họ bắt đầu tìm hiểu tận cùng gốc rễ nguyên lý nền truyền thống cổ xưa ở Tây Tạng mà Tenzin đã noi theo một cách trung thành, và họ cũng bắt đầu đòi hỏi các hình tượng Phật cũng phải mang nét nữ nhiều hơn.

Trong số những câu hỏi hóc búa của giới nữ đặt ra cho Tenzin, sự thắc mắc "Một hang động có cần thiết cho sự ẩn tu không?" là câu hỏi rất đặc biệt gây chú ý.

Họ nghĩ là "Một hang động không tiện lợi cho phái nữ với thiên chức làm vợ, làm mẹ, và làm chủ gia đình. Khi người đàn ông có thể xuất ly khỏi gia đình, như Đức Phật đã cắt ái từ thân, dấn thân vào những chặng đường thiền định cô độc lâu dài để mong đạt được giác ngộ - thì người phụ nữ không thể làm được như vậy hoặc họ cũng

không muốn làm như vậy. Tuy nhiên, không thể kết án hay xem nhẹ người nữ như là một kẻ bị tật nguyền nếu họ không thể ẩn cư thiền định nơi núi rừng, hang thẳm. Người nữ, với thiên chức làm mẹ, đã tiếp tay tạo ra giống nòi, ngay cả Đức Phật, Chúa Jesus, hay các Thánh Nhân khác đều nhờ vào cơ thể người nữ mà hiện thân ra.

Động thất, theo ý họ, chỉ là một mô hình lý tưởng để cầu tìm giác ngộ - Những người phụ nữ trí thức trong mọi lãnh vực đã lên tiếng nói những gì họ muốn. Họ cho rằng cả hai vấn đề tâm linh và gia đình đều quan trọng như nhau. Họ muốn thực tập các pháp môn bao gồm luôn cả trẻ con và gia đình. Họ cũng giới thiệu pháp môn trị liệu cảm xúc như là một pháp môn thiền định, và họ cho rằng nhà bếp cũng là một chỗ tốt để thiền quán đạt giác ngộ như là một thiền đường hay hang động Hy Mã Lạp Sơn xa xôi kia. Đó là sự cách mạng tư tưởng đã làm thay đổi bộ mặt Phật giáo.

Tsultrim Allione, một phụ nữ người Mỹ, đi bước tiên phong cho phong trào cách mạng tư tưởng này. Bà đã xuất gia năm 1970 nhưng bốn năm sau đã hoàn tục, lấy chồng, và sanh con. Bà là tác giả cuốn "Women of Wisdom", một trong những quyển sách đầu tiên nói về vị trí người nữ trong Phật giáo, và sau đó thành lập trung tâm thiền "Tara Mandala" ở Pagosa Springs, Colorado, nơi sản sinh ra nhiều người nữ trí thức, kinh nghiệm, và cấp tiến. Bà Allione là người phụ nữ đầu tiên đã kinh nghiệm cả hai mặt tu tập và đời sống gia đình bằng chính cuộc đời bà.

- "Tôi đã hoàn tục bởi vì tôi là vị ni cô Phật giáo Tây Tạng duy nhất ở Hoa Kỳ lúc bấy giờ. Tôi cảm thấy rất cô đơn, lẻ loi, và không nhận được sự trợ cấp dưỡng bảo vệ gì cả. Lúc đó, tôi mới 25 tuổi, sức sống đang tràn trề, sự khao khát tình dục đòi hỏi, và bắt đầu chán nếp sống độc thân cô đơn của đời tu sĩ. Vì thế, tôi hoàn tục và một năm sau, tôi trở thành một người mẹ và một nữ văn sĩ. Đối với tôi, sự quyết định đó thật đúng và tốt. Từ ý nghĩ muốn vượt qua được sự ganh tỵ, giận hờn hay tất cả những cảm xúc tư tưởng bi quan yếm thế, tôi lại bị những xúc cảm đó tạt trở lại vào mặt. Từ ý nghĩ muốn có được nhiều thì giờ cho riêng tôi, tôi lại chẳng được gì hết. Tôi nhận xét rằng, khoác chiếc áo nhà tu, tôi có cảm tưởng như được che chở khỏi suy nghĩ đến những cảm xúc đột biến thầm kín riêng tư - nhưng không, chúng vẫn trơ trơ nằm đó. Tôi phải nghiền ngẫm sâu hơn, tận cùng hơn lớp vỏ bên trong của năm món độc kia để thấy chúng là gì và học cách đối phó thẳng với chúng, không bao che hay trốn chạy chúng nữa. Vì thế, tôi quyết định hoàn tục để sống đúng với cảm xúc và con người thật của tôi. Nếu tôi vẫn còn là một ni cô, có lẽ tôi đã tự che dấu mình và kiêu căng ngã mạn cho là tôi đã vượt qua được tất cả."

Tsultrim Allione, trong 5 năm sanh 4 người con (một đứa chết lúc còn bé). Bà đã tranh cãi về vấn đề gia đình và vai trò làm mẹ là một trở ngại lớn cho công cuộc khám phá tâm linh. Bà nói :

- "Chúng ta phải tự hỏi mình là "Nhận thức tâm linh là gì?" Bản năng làm mẹ trong người nữ cũng mạnh và cần thiết như tình yêu và họ sẵn sàng hy sinh cá nhân. Sự

nhận thức được định nghĩa bởi con người qua những sự kiện thăng trầm thay đổi. Chúng không phải là kinh nghiệm giác ngộ giải thoát. Người nữ cũng sẵn sàng xả ly những gì họ đang có. Đó là phẩm chất cao qúy của người nữ và để hiểu rõ về con người, chúng ta cần phải làm mẹ và làm một phụ nữ bình thường. Là một người mẹ, tôi đã dứt bỏ được ảo ảnh về cá nhân tôi. Tôi đã chọn cách thất bại như thế nào để sống đúng với cảm giác tư tưởng của chính tôi."

Đối với bản thân Allione, bà cam đoan rằng một hang động không cần thiết cho việc tu tập. Bà nói :

- "Tôi tin rằng người phụ nữ ở nhà cũng có thể giác ngộ được. Đó là điểm tối ưu của Mật Tông. Có một câu truyện về một phụ nữ giác ngộ khi gánh nước. Cô ta miên mật hành thiền ngay cả khi gánh nước hay làm bất cứ công chuyện gì. Một ngày kia, cô đang gánh nước về nhà, bỗng bị đứt dây thùng, nước đổ ào ra và cô hoát nhiên đại ngộ. Giáo lý thâm huyền của Mật Tông cũng đã được giới cư sĩ đạt được uyên áo chứ không phải chỉ có giới tăng sĩ mới thấu triệt được. Điều đó cho chúng ta thấy hai hệ thống tu sĩ và cư sĩ cũng có những khái niệm hay tư tưởng, lý tưởng khác nhau. Mỗi người nên tùy căn cơ của chính mình mà thực hành để đạt kết quả; cuộc đời tu sĩ quá tốt mà nếp sống gia đình cư sĩ cũng không phải quá dở."

Yvonne Rand, một trong những vị dạy thiền nổi tiếng người Mỹ, cũng đã nói lên tư tưởng của bà về đời sống một người cư sĩ. Yvonne cũng đã có lần mời Tenzin Palmo tham dự một cuộc họp cuối tuần tại trung tâm

thiền của bà ở Muir Beach, California. Bà cũng nhận xét thấy những khó khăn trở ngại lớn nhất mà người phụ nữ phải đối phó với những ước vọng tâm linh. Trước khi thành lập trung tâm độc lập của riêng bà, Yvonne là chủ tịch Trung Tâm Thiền ở San Francisco, một địa vị mà bà cảm thấy như có đối kháng mâu thuẫn với vai trò làm mẹ của bà.

- "Là phụ nữ, tôi cũng muốn được gánh vác nhiều trách nhiệm, nhưng tôi cảm thấy mọi người xem tôi như là người phụ thuộc, người thứ hai trong xã hội mà thôi. Người ta không cảm thông mấy cho vai trò một bà mẹ độc thân của tôi và tôi thường hay bị tẩy chay vì chưa đủ nghiêm túc khi thực hành công phu thiền định. Ví dụ như thật khó tin khi phải dậy sớm mỗi buổi sáng và đi tọa thiền ở các thiền đường thì phải để các con nhỏ của tôi một mình ở nhà. Tôi không thể nào yên tâm được nên dù cố định tâm để thiền quán cũng không được."

Đúng ra Yvonne xác nhận là bà thực hành nhiều theo khoa tâm lý trị liệu của Nhật Bản hơn là Phật giáo, và bà nghĩ rằng căn nhà là chỗ thích hợp nhất để tu tập cho các nhóm cư sĩ tụ hội lại với nhau. Cuối cùng, tôi nghĩ rằng dù dưới hình thức một người cư sĩ, một vị tăng sĩ, hay một bà nội trợ và ở bất cứ nơi đâu, tôi vẫn đều đặn tu tập như một tu sĩ ở trong thiền viện. Khi quán tưởng được như vậy, lần đầu tiên, tôi cảm thấy yên ổn và thư giãn được đầu óc."

Khi được hỏi "Người phụ nữ có thể đạt được cảnh giới giác ngộ tối thượng không?" Yvonne trả lời :"Tôi không biết gì về giác ngộ giải thoát, nhưng tôi nghĩ người phụ

nữ sẽ tiến được rất xa. Tôi kinh nghiệm được mùi vị giải thoát khi tôi bắt đầu nhận thức thực tại hiện hữu trong từng giây phút, tại đây, ngay trong lúc này, khi tôi không đeo hành lý nặng nề của ngày hôm qua, hay khi tôi ôm đồm cả hai, hôm qua và ngày mai.

"Cái quan trọng nhất của sự tu tập là Miên mật hành trì, không gián đoạn. Nếu bạn đang thực hành một pháp môn nào, ví dụ như thực tập chánh niệm, bạn phải miên mật tu tập 12 lần trong 1 ngày thì mới thâu lượm được nhiều kết quả; hay bạn tập cười hàm tiếu, bạn nhích nhẹ đôi môi, cười, và giữ yên như vậy độ 3 hơi thở. Nếu tôi tập làm như vậy 6 lần hay hơn nữa mỗi ngày, trong vòng 3 ngày thôi, chắc chắn tôi sẽ cảm thấy có điều kỳ diệu xảy ra cho tôi, trong tôi, trong đầu óc và cơ thể tôi. Bạn có thể thực tập như vậy khi đứng chờ đợi người nào, khi phải giữ máy điện thoại, lúc ở tiệm bán thực phẩm, ở phi trường, hay dừng xe những ngã tư đường lúc đèn đỏ, v.v... "

Những lời của bà Yvonne nói sao nghe giống lời của Tenzin Palmo đã trình bày về phương cách hành thiền.

Yvonne tiếp tục "

- "Có rất nhiều cách bạn có thể thực tập ở nhà. Bạn có thể thực tập kiên nhẫn hay sử dụng chuyển hóa những trở ngại vướng bận một cách khéo léo như thầy các bạn đã làm. Trước kia, tôi thường ngồi bên cạnh những người đang hấp hối, và sau những giờ quán niệm Vô Thường, tôi trở thành một với xác chết. Đó là một phương pháp tu học kỳ diệu. Tôi không những hiểu được về lý vô thường

của vạn vật và sợi dây liên hệ giữa hơi thở và tâm thức, mà tôi còn hiểu rằng Chết và Sống có chiều liên quan với nhau - Ta sống như thế nào, ta chết như thế ấy. Sống vui vẻ, tốt đẹp thì Chết an ổn, thoải mái. (living well, dying well).

"Nếu bạn đã chọn được những pháp môn thích hợp nào, bạn thực hành theo đó trong vài năm, bạn sẽ thấu đạt được toàn vẹn ý nghĩa của những pháp môn đó và bạn cũng không cần áp dụng những pháp môn mới cho đến khi bạn thực hành một cách viên mãn những pháp môn đã chọn lựa. Một trong những chướng ngại tâm lý của người Mỹ là họ sống không khiêm tốn, giản dị. Họ tham lam, hấp tấp hưởng thụ và mong muốn chiếm đoạt tất cả cùng một lúc."

Không phải chỉ có giới nữ mới đặt ra câu hỏi hóc búa đó, mà ngay cả giới nam cũng e dè lên tiếng trả lời câu hỏi "Động thất ẩn tu có cần thiết không?"

Một vị thầy dạy về thiền Minh Sát, Jack Knornfield, một trong những vị thiền sư nổi tiếng người Mỹ, đã trình bày về phương cách, khái niệm "nhập thất ngắn hạn (vài tháng vào thất, vài tháng ra thất) như là một giải pháp thay thế cho những ai muốn nhập thất ở những nơi u tịch thanh nhã. Ông ta cho rằng sự nhập thất quá lâu sẽ tạo ra những trạng thái tâm lý bất ổn, không thích ứng cho hành giả một khi người đó muốn hòa nhập lại xã hội. Tâm lý những người Âu Mỹ không thể thích hợp được với những pháp môn tu tập ẩn cư xuất thế như vậy, và sự nhập thất dài hạn (theo ông nghiên cứu qua vài người tu

tập) đã dẫn tới sự khủng hoảng tâm lý và lãnh đạm xa lánh người đời.

— Anh quốc, một vị giáo sư Phật học nổi tiếng, Stephen Bachelor, Khoa trưởng Phật học và khoa Thông Tin Thời Đại ở đại học Sharpham, đã đồng ý với nhận xét của Jack Knornfield. Ông này đã xuất gia hơn 10 năm theo truyền thống Thiền Phật giáo trước khi trở thành một trong những người Phật tử theo chủ nghĩa hoài nghi nổi tiếng, thường đặt những câu hỏi về những nguyên lý cơ bản giáo lý như là Thuyết Tái Sanh, Hóa Thân, v.v... Là bạn của Tenzin Palmo, ông ta cũng có ý kiến phê bình về vấn đề nhập thất ở hang động.

-"Nhập thất ở một nơi cô tịch thanh vắng ảnh hưởng rất nhiều đến tánh khí vị hành giả. Tenzin Palmo là một trong những người ngoại lệ có kinh nghiệm cao, sống thực, và khi cô nhập thế trở lại, cô không bị ức chế hay trở ngại gì. Cô rất thân thiện, cởi mở, và hòa hợp ngay được với mọi người; chứ không giống như một số các vị hành giả khác nhập thất quá lâu, có khuynh hướng hướng nội hoàn toàn và xa lánh thế tục. Tôi nghĩ tới vài trường hợp khác của những người không có được cơ sở tâm lý vững chắc và những cuộc nhập thất quá dài sẽ đưa đến hậu quả khủng hoảng tâm lý. Họ nên đi tìm câu trả lời về trạng thái bất an và lãnh đạm đó, và khóa chặt chúng nó lại hơn là để chúng nó vượt quá trớn phạm vi tâm lý. Chúng ta cần phải buộc dây những cảm xúc lại làm sao để chúng ta có thể đối phó được với sự cô đơn, u tịch của nội tâm lẫn ngoại cảnh."

CHƯƠNG MƯỜI BẨY
BÂY GIỜ

Đã chín năm trôi qua từ lần đầu tiên tôi gặp Tenzin Palmo trong tòa lâu đài ở Tuscany và từ đó, tôi thâu lượm tài liệu viết lại câu chuyện đời Tenzin.

Tenzin đã giảm bớt đi ánh sáng linh động rực rỡ nội tâm cô đã có từ lúc cô bắt đầu xuất động, mặc dù ánh mắt cô vẫn sáng ngời và tính cách cô vẫn thân thiện, cởi mở, và hoạt bát.

Những năm tháng dài miệt mài đi giảng dạy không ngừng nghỉ đã hằn dấu chân trên nét mặt Tenzin. Thật là một Phật sự nặng nề, khó nhọc. Khi tôi viết quyển sách này, Tenzin đã quyên góp được một số tiền đủ để mua đất và đặt xây nền móng.

Đối với người có cơ sở vững chắc mà làm được như vậy thì cũng đã thành công tốt đẹp rồi, huống chi đối với Tenzin, một phụ nữ không nhà không cửa, không nghề nghiệp, không một đồng xu dính túi, và cũng chẳng có một cơ quan từ thiện nào giúp đỡ mà xây dựng được như vậy thì quả là phi thường xuất sắc. Tức nhiên đó là một hành trình dài, thật dài Tenzin phải đi để quyên góp xây dựng Ni viện. Tenzin không hề nản chí, bực dọc, hay mất hy vọng vì Phật sự quan trọng này. Cô không bao giờ lộ ra vẻ mệt mỏi, chán nản cả. Cô cứ miệt mài làm việc và đi thuyết giảng không ngừng nghỉ. Cô cũng chẳng có một tham vọng cá nhân nào trong công cuộc này. Cô làm vì đó là một Phật sự nên làm, phải làm, vậy thôi.

- "Cuộc đời tôi đặt trong tay Đức Phật, Pháp, và Tăng. Tôi đã tùy duyên xoay chuyển mọi tình thế thật tốt đẹp. Những gì cần thiết đối với tôi là phụng sự hạnh phúc của chúng sanh. Hãy để tôi hoàn thành bổn phận này, ngoài ra, tôi không cần gì cả. Hơn thế nữa, tôi khám phá ra rằng nếu tôi cố thúc đẩy mọi việc để sớm thành công thì tất cả lại đi sai bét. Cứ để cái gì tới sẽ tới, vạn sự tùy thuận duyên mà tới".

Với niềm tin kiên cố và hoàn toàn vào chư Phật, Tenzin vững bước tiến tới, không e dè sợ sệt gì cả. Đi đến đâu, cô cũng được mọi người sẵn sàng giúp đỡ cô mọi mặt từ vật dụng cá nhân, chỗ ở, di chuyển, ăn uống, vé máy bay hay tiền bạc; tất cả những gì cô cần, cô đều được giúp đỡ chu đáo.

Tenzin nói :

- "Đời sống một vị tăng sĩ, không có một sự bảo đảm xã hội nào, có thể nói tùy thuộc vào lòng quảng đại của mọi người - nhưng trái ngược lại với ý nghĩ của một số người Tây Phương thiển cận, đó không phải là sự ăn bám mà đó là Đức tin. Ngay chúa Jesus cũng nói :"Các ngươi không cần nghĩ ngày mai các ngươi sẽ ăn gì và sẽ mặc gì."

Chúng ta cần có một niềm tin vững chắc rằng nếu chúng ta tu hành đúng đắn, chúng ta sẽ không bao giờ chết đói cả, chúng ta sẽ được giúp đỡ không những chỉ là vật chất mà còn tất cả."

Tenzin Palmo đã đứng vững giữa dòng đời xuôi ngược của cuối thế kỷ 20 này, không chao đao ngã nghiêng theo

thời cuộc. Tenzin không sở hữu một vật gì đáng giá ngoại trừ mấy bộ y áo, vài quyển kinh sách, một túi ngủ du lịch, và vài ba thứ vật dụng cá nhân cần thiết. Có một lần Tenzin nổi hứng mua một cái gối nhỏ đắt tiền để kê dưới cô khi đi du lịch, nhưng chỉ một thời gian rất ngắn sau, cô đã đánh mất nó. Cô cười nói :

- "Tôi nghĩ rằng mất cái gối đó thật đúng, nếu không tôi chắc sẽ bám víu chấp giữ nó quá." Trương mục ngân hàng của Tenzin vẫn rỗng tuếch như từ hồi xưa đến giờ. Cô không bao giờ tơ hào một đồng xu những số tiền đóng góp để xây Ni viện, dù là dùng tạm đi đó đây thuyết giảng. Cô không hề quan tâm tới tiền bạc để lợi dưỡng cá nhân. Cô sẵn sàng mở bóp và dốc hết tiền (nếu có) cho những ai cần đến. Cô theo đuổi đời sống xuất gia mà cô đã lý tưởng và mơ ước, và cô quan niệm rằng sự Thiểu Dục Tri Túc chắc chắn sẽ đem lại hạnh phúc bình yên cho tâm trí.

Đi du lịch vòng quanh một số nước với Tenzin, tôi đã thấy những nét tương phản tâm lý trên gương mặt Tenzin mà chúng ta không thể nào hiểu thấu được. Tenzin vẫn luôn hoạt bát, hòa đồng, giản dị khi tiếp xúc với quần chúng, nhưng đồng thời nhìn sâu vào mắt cô, chúng ta sẽ thấy như cô đang nhìn vào cõi xa xăm nào đó cuối tận chân trời; nơi đó hình như quá xa và chúng ta chưa nhìn thấy được. Cô có thể đợi chờ người ta, những chuyến bay, những sự việc hằng giờ hoặc hằng ngày không cau có mệt nhọc, không phàn nàn phiền trách gì cả; nhưng mỗi khi Tenzin cần quyết đoán một việc gì, cô rất thẳng thắn và mạnh mẽ cương quyết bảo vệ lập trường của cô không lùi bước, ví dụ như cô cực lực khuyến khích mọi

người không nên sát sanh ăn thịt, hay thở dài khi đề tài nói chuyện bỗng chuyển sang ngày Lễ Tạ Ơn Chúa với gà tây quay, hay khó chịu khi thấy cả một dãy sách dạy câu cá trưng bày một cách hãnh diện hợm hĩnh trên giá sách. Tuy nhiên, cá tánh đặc biệt nổi bật của Tenzin luôn luôn là thái độ thân thiện, cởi mở, hòa nhã, và không phân biệt thân sơ với tất cả mọi người. Cô không bao giờ lộ vẻ mệt mỏi hay buồn chán khi phải tiếp chuyện với ai quá lâu. Bạn bè của cô rất đông, và nếu người nào đó đã tiếp xúc với cô chỉ một lần thôi, họ cũng không bao giờ quên cô. Cô gần gũi thân mật ngay cả các em nhỏ.

Tenzin vẫn thường liên lạc hoặc ghé thăm Khamtrul Rinpoche đời thứ 9 (thân tái sanh của Sư Phụ Tenzin, Khamtrul Rinpoche đời thứ 8) mỗi khi có dịp ghé về Tashi Jong, miền Bắc Ấn. Khamtrul Rinpoche đời thứ 9 bây giờ là một thiếu niên cường tráng, nổi bật, và hơi mắc cỡ. Tenzin dạy Khamtrul thiếu niên này tiếng Anh và tìm cách đưa vào thế giới cô đơn và khô khan của chàng Khamtrul Ripoche những tư tưởng phóng khoáng của Âu Mỹ. Bây giờ, người dẫn đường tâm linh cho Tenzin là các nữ thần Dakinis. Cô luôn cảm thấy có sợi dây vô hình liên hệ mật thiết giữa cô và các nữ thần Dakinis. Cô nói "Tôi luôn luôn được các ngài bảo vệ."

Thời gian này cũng có nhiều sự kiện thay đổi trong Ni chúng Phật giáo. Từ năm 1993, khi Tenzin và các phụ nữ khác dự cuộc hội nghị Dharamsala và trình bày lên Đức Đạt Lai Lạt Ma những trường hợp kỳ thị, phân biệt về giới tính, nếp sống Ni chúng đã bắt đầu cải thiện đôi chút. Một phái đoàn Ni cô được mời đi du lịch khắp thế giới và các ni cô này đã tự trình bày những mạn đà la vẽ

hình Nữ Thần Kalachakra bằng cát mầu để cổ vũ cho nền hòa bình thế giới - một công việc mà xưa kia chỉ có tăng sĩ mới được làm. Một ni viện mới Dolma Ling đã được xây cất tại Dharamsala và cho phép giới Ni được học nghệ thuật tranh luận về giáo pháp. Đó là một bước nhảy vọt rõ rệt cho Ni chúng vì ngày xưa môn học trí thức này chỉ có tăng sĩ mới được học và công khai tranh luận. Vào năm trước, các ni cô đã thu hết can đảm công khai thách đố tranh luận giáo pháp ngay tại tu viện của Đức Đạt Lai Lạt Ma, trước sự hiện diện của đông đảo tăng sĩ. Các ni cô đứng đó, nhỏ bé, trẻ măng, và gương mặt rạng rỡ hồn nhiên, đập chân vỗ tay tranh luận theo cung cách của Phật giáo Tây tạng, và có một số quan sát viên người Âu Mỹ tham dự buổi tranh tài đó và họ đã nói là họ thấy các ni cô trẻ đó đã chảy nước mắt vì xúc động được lên tiếng cho chính mình; và rồi sự đòi hỏi được thụ giới Tỳ Khưu Ni cũng được tán thành chấp thuận. Đức Đạt Lai Lạt Ma đã gởi phái đoàn đi Đài Loan để học hỏi về truyền thống tu học của Ni chúng Trung Hoa, với hy vọng sẽ áp dụng được cho Ni giới Tây Tạng. Cuối cùng, sau 1000 năm, thời điểm giải phóng Ni chúng cũng đã đến rồi. Đã nhiều năm trôi qua những hình tượng của Tenzin Palmo người phụ nữ Tây Phương đầu tiên xuất gia và ẩn cư 12 năm trong động tuyết Hy Mã Lạp Sơn vẫn đậm nét và mãi mãi là hình ảnh lý tưởng trong lòng Ni chúng và mọi người trên thế giới. Tenzin Palmo sẽ mãi mãi là biểu tượng anh hùng và ngọn đuốc dẫn đường cho phụ nữ trí thức khắp nơi trên đường tìm về vùng đất tâm linh.

Dự án của Tenzin, sau khi hoàn thành Ni viện, sẽ nhập thất trở lại ở một hang động, tuy nhiên, cô không thể trở về Lahoul được nữa. Cô đã quá già để có thể chịu đựng

khí hậu và hoàn cảnh khắc nghiệt vùng núi cao trên 13,000 bộ ở dãy Hy Mã lạp Sơn; cô cũng không còn có thể mang vác trên vai 15 ký vật dụng như cô đã làm ngày xưa nữa. Tổ ấm trên núi của Tenzin giờ đã xa vời rồi, cô không thể tiếp tục được nữa; và từ ngày Tenzin xuất động vào năm 1988, cũng không có một ông tăng hay một ni cô nào dám lên đó ở nữa. Căn động bị hư hỏng, cánh cửa và cửa sổ đã tháo gỡ ra và mang xuống phố để dùng trong tu viện khác, và những hòn đá cũng theo gió cuốn bay về nơi chốn cũ. Quang cảnh căn động của Tenzin trở nên hoang tàn, cô tịch. Vài năm sau, căn động lại có sinh khí trở lại nhờ sự hiện diện của một ni cô người Đức, Edith Besh, đã tìm ra căn động của Tenzin và tu bổ trở lại. Edith làm thêm một căn phòng nhỏ, một góc bếp, và một cầu tiêu bên ngoài. Mặt tiền của căn động cũng được sửa sang lại. Nhưng Edith chỉ sống được có một năm trong động thôi. Bệnh ung thư của cô đã đến thời kỳ cuối cùng, và cô đã chết ở tu viện phía dưới thung lũng vào năm 43 tuổi. Những cư dân Lahoul đã nói rằng Edith khi mới tới Lahoul thì lên cơn sốt thật cao, nhưng sau 12 tháng sống ở động thất thì đã có phần bớt vật vả vì bệnh và sau đó cô đã chết trong yên ổn thoải mái. Một lần nữa, động thất đã chứng tỏ có sự mầu nhiệm xảy ra.

Tenzin tâm sự là nơi nhập thất sau này của cô có thể sẽ là một căn nhà tranh nhỏ tại một nơi rất thanh tịnh, nhưng cũng không quá hẻo lánh hoang sơ. Có thể là một góc nhỏ trên mảnh đất của một vị thí chủ nào đó để không gặp khó khăn mỗi khi cần dùng vật liệu hay di chuyển. Nơi nhập thất đó có thể ở bất cứ nơi đâu nhưng chắc chắn không phải là Anh quốc.

- "Tôi vẫn không cảm thấy Anh quốc là quê hương, là tổ ấm của tôi. Tôi luôn luôn nghĩ là tổ ấm của tôi là phương Đông và tôi sẽ chết ở đó."

Quê hương tâm linh của Tenzin đã được định hướng rõ rệt và cô cũng chỉ có một mục tiêu duy nhất "Chứng đắc Quả vị Giải Thoát trong hình tướng người nữ."

Dịch xong ngày 28/9/99

Thích nữ Minh Tâm